

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. Tính cấp thiết của lập quy hoạch sử dụng đất.....	1
II. Cơ sở pháp lý thực hiện dự án: Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 của thành phố Bắc Ninh.....	2
III. Mục đích và ý nghĩa lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 thành phố Bắc Ninh.....	4
IV. Sản phẩm giao nộp của dự án.....	5
V. Bố cục của báo cáo.....	5
PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	6
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	6
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	6
1.1.1. Vị trí địa lý.....	6
1.1.2. Địa hình, địa mạo:	7
1.1.3. Khí hậu:.....	7
1.1.4. Thủy văn:	8
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	8
1.2.1. Tài nguyên đất:	8
1.2.2. Tài nguyên nước:.....	8
1.2.3. Tài nguyên rừng:	9
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản:	9
1.2.5. Tài nguyên nhân văn và du lịch.....	9
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	11
1.4. Đánh giá chung.....	11
1.4.1. Thuận lợi và cơ hội phát triển.....	11
1.4.2. Những tồn tại, hạn chế.....	12
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI.....	13
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế xã hội.....	13
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	13
2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp.....	13
2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp.....	14
2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ.....	14
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	15

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư	15
2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị	15
2.4.2. Về nội dung quản lý đô thị.....	16
2.4.3. Kiến trúc cảnh quan đô thị.....	17
2.5. Thực trạng phát triển hạ tầng.....	17
2.5.1. Giao thông.....	17
2.5.2. Thủy lợi, cấp thoát nước	19
2.5.3. Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.....	20
2.5.4. Văn hóa, thể dục - thể thao	21
2.5.5. Y tế	22
2.5.6. An ninh, quốc phòng.....	23
2.6. Đánh giá chung.....	23
2.6.1. Kết quả đạt được.....	23
2.6.2. Hạn chế	23
2.6.3. Nguyên nhân.....	24
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	24
3.1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.....	24
3.2. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với thành phố Bắc Ninh.....	25
3.3. Giải pháp chung đối phó với biến đổi khí hậu.....	26
PHẦN II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	27
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI.....	27
1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	27
1.1.1. Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính:	27
1.1.2. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai:	27
1.1.3. Công tác đăng ký, lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.....	27
1.1.4. Công tác quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất.	27
1.1.5. Quản lý việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	27
1.1.6. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính	29
1.1.7. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.....	29
1.1.8. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.....	29

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân	30
1.2.1. Những kết quả đạt được.....	30
1.2.2. Những tồn tại cần được khắc phục	30
1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.....	31
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT.....	32
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	32
2.1.1. Hiện trạng đất nông nghiệp:	33
2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp.....	34
2.1.3. Hiện trạng đất chưa sử dụng:	35
2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước	35
2.2.1. Biến động đất đai so với năm 2010.....	37
2.2.2.3. Đất chưa sử dụng:.....	39
2.2.2. Nguyên nhân biến động	39
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.....	39
2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất.....	39
2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất	40
2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.....	41
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011-2020	42
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	42
3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	47
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI	48
4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.....	48
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.....	49
4.2.1. Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát thương mại, dịch vụ, du lịch.....	49
4.2.2. Tiềm năng phát triển các khu đô thị.....	50
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	51
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	51
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	51
1.1.1. Phương hướng phát triển.....	51
1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030.....	51
1.2. Quan điểm sử dụng đất	53

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	55
1.3.1. Định hướng sử dụng đất Nông - Lâm - Thủy Sản.....	55
1.3.2. Định hướng sử dụng đất phát triển mạng lưới dịch vụ, thương mại, công nghiệp, du lịch..	56
1.3.3. Định hướng phát triển đô thị.....	57
1.3.4. Định hướng sử dụng đất cho mạng lưới kết cấu hạ tầng	59
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.....	61
2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	62
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế	62
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....	64
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất (quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho thành phố).	64
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	64
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	66
2.2.3.1. Đất nông nghiệp	66
2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp.....	69
2.2.3.3. Đất chưa sử dụng.....	78
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	79
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	79
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	79
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.....	80
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất	80
3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	81
3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.....	81
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ	82
PHẦN V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	83
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	86

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Tính cấp thiết của lập quy hoạch sử dụng đất

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá và có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các địa phương. Trong khi đó, quỹ đất lại có giới hạn mà các nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy, việc sử dụng đất cần phải đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch đã được duyệt trên cơ sở khai thác hiệu quả, tiết kiệm, ổn định và bền vững.

Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Bên cạnh đó, Luật Đất đai năm 2013 quy định hệ thống quy hoạch sử dụng đất theo cấp lãnh thổ hành chính, theo ngành và được cụ thể hoá tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ và Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch sử dụng đất của các cấp.

Quy hoạch sử dụng đất là hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của nhà nước và của các địa phương về tổ chức sử dụng và quản lý đất đai đầy đủ, hợp lý, khoa học và có hiệu quả cao nhất thông qua việc phân bổ quỹ đất đai và tổ chức sử dụng đất như tư liệu sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của xã hội, tạo điều kiện bảo vệ đất đai và môi trường. Đồng thời, Quy hoạch sử dụng đất đai tạo ra sự ổn định về mặt pháp lý cho việc quản lý Nhà nước về đất đai, làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, đầu tư phát triển kinh tế xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá hiện đại hoá. Bên cạnh đó, công tác Lập quy hoạch sử dụng đất là sự cụ thể hóa các chỉ tiêu phân bổ của cấp quốc gia, cấp tỉnh cho các địa phương nhằm tạo điều kiện cần thiết để tổ chức sử dụng đất bền vững, hiệu quả cao và hợp lý.

Thành phố Bắc Ninh là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa - thể thao, khoa học công nghệ và đào tạo chất lượng cao của tỉnh Bắc Ninh; có vị trí thuận lợi, là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, có tiềm năng về thương mại dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và truyền thống văn hoá lâu đời. Thực hiện Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2013 và các thông tư, nghị định... thành phố Bắc Ninh luôn thực hiện tốt công tác lập, điều chỉnh quy hoạch sử

dụng đất theo đúng tiến độ và quy định, quy trình hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, thành phố Bắc Ninh đã triển khai thực hiện các dự án theo đúng tiến độ đề ra và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên, với vai trò là trung tâm kinh tế, văn hoá xã hội của cả tỉnh và đặc biệt với nhiều chính sách thu hút đầu tư, thành Phố Bắc Ninh đã, đang và sẽ có nhiều dự án vào đầu tư trên địa bàn. Điều này làm cho nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các phường ngày một gia tăng và cần được bố trí quỹ đất cho phát triển.

Để có căn cứ pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho các năm tiếp theo, việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 là rất cần thiết. Nhận rõ tầm quan trọng của công tác lập quy hoạch sử dụng đất cho giai đoạn mới với mục tiêu đáp ứng yêu cầu sử dụng đất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, UBND thành phố Bắc Ninh tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... phù hợp với yêu cầu phát triển KTXH của địa phương.

Thực hiện theo Luật đất đai năm 2013, thông tư 29/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trên nguyên tắc để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và tích hợp với hệ thống quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Ninh, cũng như thực hiện theo các quy định của Nhà nước và đặc biệt để tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội trong những năm tiếp theo, thành phố Bắc Ninh cần thiết phải tiến hành thực hiện dự án **Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030**.

II. Cơ sở pháp lý thực hiện dự án: Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Bắc Ninh

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định khung giá đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử

dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/03/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Quyết định số 2088/QĐ-TTg ngày 25/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ đã công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bắc Ninh.

- Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050.

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 15/5/2019 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050.

- Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố Bắc Ninh;

- Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Bắc Ninh;

- Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh áp dụng từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/1/2024

- Văn bản số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng/cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt;

- Văn bản số 2505/BTNTM-TCQLĐĐ ngày 18/6/2014 của Bộ Tài nguyên và

Môi trường về việc triển khai một số nội dung quản lý đất đai khi Luật đất đai có hiệu lực thi hành;

- Văn bản số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện.

- Công văn số 3129/UBND-TNMT ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện.

- Công văn số 1361/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh về việc tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện.

- Văn bản số 2954/SXD-QLN ngày 31/12/2020 về việc báo cáo về trình tự đầu tư xây dựng các khu đô thị có quy mô từ 100ha trở lên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Các chỉ tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030 của tỉnh Bắc Ninh và thành phố Bắc Ninh

- Các Nghị quyết, Quyết định và hướng dẫn thực hiện của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Bắc Ninh về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh và thành phố Bắc Ninh.

- Niên Giám thống kê năm 2019;

- Số liệu kiểm kê đất đai/2019, thống kê đất đai năm 2020 của thành phố.

- Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 02/10/2019 của UBND thành phố Bắc Ninh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5/2021-2025.

- Văn bản số 3110/UBND-TCKH ngày 04/11/2020 của UBND thành phố Bắc Ninh về việc cập nhật xây dựng kế hoạch và chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5/2021-2025.

- Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 22/6/2020 đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Bắc Ninh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Các tài liệu khác có liên quan.

III. Mục đích và ý nghĩa lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 thành phố Bắc Ninh

- Rà soát đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 trước đây đã được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt nhằm nghiên cứu để lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho các ngành, lĩnh vực và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp phường cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố.

- Rà soát, cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc đầu tư, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả, từng bước ổn định công tác quản lý và sử dụng đất của thành phố trong những năm tiếp theo.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chòng chéo trong quá trình sử dụng.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hoà giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường.

IV. Sản phẩm giao nộp của dự án

Hồ sơ Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 của thành phố Bắc Ninh bao gồm những sản phẩm sau:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020;
- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030;
- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét duyệt.

V. Bộ cục của báo cáo

Ngoài các phần Đặt vấn đề; Kết luận và kiến nghị Báo cáo bao gồm các phần sau:

- Phần thứ nhất: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;
- Phần thứ hai: Tình hình quản lý sử dụng đất đai;
- Phần thứ ba: Phương án quy hoạch sử dụng đất;
- Phần thứ tư: Giải pháp thực hiện.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Bắc Ninh, một trong những đô thị trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, được nâng cấp lên từ thành phố Bắc Ninh cũ vào ngày 26/01/2006 và được điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính từ các huyện Yên Phong, Quế Võ, Tiên Du (Nghị định số 60/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ).

Thành phố Bắc Ninh có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 21°08' - 21°14' vĩ độ Bắc; 106°01' - 106°08' kinh độ Đông. Trong đó:

- Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang;
- Phía Nam giáp huyện Tiên Du, huyện Quế Võ;
- Phía Đông giáp huyện Quế Võ;
- Phía Tây giáp huyện Tiên Du, huyện Yên Phong.

Là đô thị loại I, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao lưu quan trọng, có vai trò là động lực phát triển kinh tế của cả tỉnh Bắc Ninh, có lợi thế về vị trí, tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ du lịch trong khu vực.

Trên địa bàn thành phố có nhiều tuyến giao thông huyết mạch quan trọng chạy qua như QL1A, QL18, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn và tuyến đường thủy của hệ thống sông Cầu nên rất thuận lợi trong giao lưu, vận chuyển hàng hoá và hành khách. Đặc biệt Thành phố là một mắt xích trong tam giác phát triển kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là đầu mối giao thông quan trọng trong khu vực Lạng Sơn - Bắc Ninh - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Đối với các đô thị trong tỉnh, Thành phố có mối liên hệ khá chặt chẽ theo 04 hệ trục tuyến hướng tâm về thành phố, tác động trực tiếp đến quá trình phát triển mạng lưới đô thị của tỉnh, đó là: thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (TL286); thị trấn Thứa, huyện Lương Tài; thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình; thị trấn Hồ huyện Thuận Thành (QL38 - TL282); phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn; thị trấn Lim, huyện Tiên Du (TL295B); thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ (QL18).

Thành phố Bắc Ninh cách không xa trung tâm Hà Nội - một thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều tiềm năng; là đô thị vệ tinh của thủ đô Hà Nội trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đô thị hóa vùng Thủ đô; là cầu nối giữa Hà Nội với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc; có vị trí chiến lược quan trọng đối với quốc phòng an ninh; có truyền thống văn hiến, lịch sử và đô hội lâu đời của đất nước.

Với những đặc điểm trên, thành phố Bắc Ninh có vị trí địa lý thuận lợi, là tiềm lực to lớn, yếu tố quan trọng để Thành phố phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa bền vững và đậm đà bản sắc.



Hình 1: Thành phố Bắc Ninh trong vùng tỉnh Bắc Ninh

1.1.2. Địa hình, địa mạo:

- Địa hình: Thành phố Bắc Ninh có địa hình tương đối bằng phẳng, bao gồm địa hình đồng bằng và địa hình chuyển tiếp giữa đồng bằng và trung du; Hướng dốc chủ yếu từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Mức độ chênh lệch địa hình không lớn, vùng đồng bằng thường có độ cao phổ biến từ 3 - 7m, địa hình trung du có độ cao phổ biến 100 - 300 m.

- Địa mạo: Thành phố gồm các khu vực đồng bằng, độ cao phổ biến từ 3 – 7 m so với mực nước biển, độ dốc trung bình < 2% xen kẽ với các đồi bát úp có độ dốc sườn đồi trung bình từ 8 -15% và có độ cao phổ biến 40 - 50m. Diện tích đồi núi chiếm tỷ lệ rất nhỏ (0,25%) so với tổng diện tích tự nhiên toàn Thành phố, phân bố tại: phường Hòa Long (núi Quả Cắm); phường Đáp Cầu, Thị Cầu, Vũ Ninh (núi Ông Tư, Búp Lê, Điều Sơn); phường Vân Dương, phường Nam Sơn (núi Cửa Vua, Bàn Cờ); phường Hạp Lĩnh (núi Và). Ngoài ra, còn một số khu vực thấp trũng ven đê thường bị ngập úng trong mùa mưa, phân bố chủ yếu tại phía Đông Bắc của thành phố như khu vực thôn Đầu Hàn thuộc phường Hòa Long và khu vực phường Kim Chân,...

1.1.3. Khí hậu:

Thành phố nằm trọn trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Có sự chênh lệch rõ ràng về nhiệt độ giữa mùa hè và mùa đông (mùa đông thường lạnh, mùa hè nắng nóng). Nhiệt độ trung bình năm 23,3°C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất 28,9°C (tháng 7), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất là 15,8°C (tháng 1). Sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là 13,1°C.

- Lượng mưa trung bình hàng năm dao động trong khoảng từ 1.400 - 1.600 mm, phân bố không đều giữa các mùa trong năm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10), chiếm khoảng 80% tổng lượng mưa cả năm; mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) thường khô, ít mưa, lượng mưa chỉ chiếm khoảng 20% tổng lượng mưa trong năm.

- Tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.530 - 1.776 giờ, trong đó tháng có nhiều giờ nắng là tháng 7, tháng có ít giờ nắng là tháng 1. Lượng bốc hơi trung bình năm đạt khoảng 1.000 mm. Độ ẩm tương đối cao (trung bình năm 84%).

- Có 2 mùa gió chính, gió mùa Đông Bắc thịnh hành từ tháng 10 năm trước đến

tháng 3 năm sau; gió mùa Đông Nam thịnh hành từ tháng 4 đến tháng 9 mang theo hơi ẩm, gây mưa rào. Ngoài ra hàng năm thường chịu ảnh hưởng trực tiếp từ 2 - 3 cơn bão, xuất hiện vào các tháng 7, 8, 9 gây mưa to gió lớn.

Nhìn chung, điều kiện khí hậu thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng và phong phú. Mùa đông với khí hậu khô, lạnh làm cho vụ đông trở thành vụ chính có thể trồng được nhiều loại cây rau màu ngắn ngày cho giá trị cao và xuất khẩu. Yếu tố hạn chế lớn nhất đối với sử dụng đất là mưa lớn tập trung theo mùa thường làm ngập úng các khu vực thấp trũng gây khó khăn cho việc mở rộng diện tích thâm canh tăng vụ.

1.1.4. Thủy văn:

Thành phố Bắc Ninh chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy văn sông Cầu và nằm trong vùng bảo vệ của hệ thống đê Quốc gia. Chế độ thủy văn thuộc hệ thống lưu vực sông Cầu, một trong ba hệ thống sông lớn chảy qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bắt nguồn từ Tam Đảo và Bắc Kạn có tổng chiều dài 288 km, diện tích lưu vực 6.064 km². Đoạn chảy qua thành phố dài 30 km (chiếm khoảng 1/4 tổng chiều dài qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh).

Ngoài sông Cầu, trên địa bàn thành phố còn có sông Ngũ Huyện Khê (một nhánh của sông Cầu), đoạn chảy qua Thành phố từ Phong Khê đến phường Hòa Long dài khoảng 15 km; sông Tào Khê, từ Kim Chân - Cầu Ngà dài khoảng 9 km. Đồng thời còn có các tuyến kênh mương, ao hồ chính như: kênh Nam dài 8,8 km; kênh Tào Khê dài 9,4 km; hồ nước Đồng Trầm (diện tích khoảng 40 ha, mực nước mùa kiệt 1 - 1,5 m); hồ Thành Cổ (diện tích khoảng trên 8,0 ha, mực nước mùa kiệt 0,5 m).

Nhìn chung hệ thống thủy văn của thành phố khá dày đặc, mật độ lưới sông ngòi khá cao, trung bình 1,0 - 1,2 km/km², đóng vai trò tích cực trong việc tưới và tiêu úng. Tuy nhiên do chịu ảnh hưởng của khí hậu thời tiết trong vùng, các sông đều có đặc điểm chung là dòng chảy phân bố theo mùa rõ rệt: Trong mùa mưa, dòng chảy xiết, nước dâng nhanh dễ gây lũ lụt hoặc ngập úng cục bộ; ngược lại về mùa khô, mực nước sông xuống thấp, dòng chảy nhỏ đã hạn chế đến cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Vì vậy cần bố trí lịch thời vụ hợp lý để đảm bảo sản xuất, sinh hoạt của nhân dân ít bị xáo trộn.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất:

Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố là 8.264,05 ha, trong đó diện tích đã được khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp là 8.225,48 ha (chiếm tới 99,53%), đất chưa sử dụng còn lại 38,57 ha (chỉ chiếm 0,47%). Trong diện tích đất đang sử dụng, diện tích đất nông nghiệp của Thành phố có 3.575,94 ha.

Theo các tài liệu nghiên cứu, xây dựng bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/25.000 thành phố Bắc Ninh do Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp xây dựng năm 2000, tài nguyên đất ở đây bao gồm 6 loại đất chính là: Đất loang lổ; đất phù sa loang lổ; đất xám feralit; đất gley chua; đất phù sa chua; đất xám loang lổ

1.2.2. Tài nguyên nước:

- *Nguồn nước mặt:* Thành phố Bắc Ninh có nguồn nước mặt phong phú nhờ hệ

thông sông suối, ao hồ, kênh mương khá dày đặc và lượng nước mưa hàng năm lớn (trung bình 1.400 - 1.600 mm/năm). Với lợi thế nằm cạnh sông Cầu về phía Bắc, thuộc vùng trung hạ lưu của hệ thống sông Cầu (lưu lượng khoảng 5 tỷ m³/năm), có sông nhánh Ngũ Huyện Khê nằm tại khu vực phía Tây và sông Tào Khê nằm tại khu vực phía Đông của thành phố. Bên cạnh đó, trên địa bàn thành phố còn có hệ thống hồ, ao phân bố rải rác trong các khu vực cùng với hệ thống kênh mương thủy lợi đảm nhận chức năng điều tiết, lưu chuyển lượng nước mặt và tạo không gian cảnh quan, môi trường sinh thái.

- *Nguồn nước ngầm*: Theo kết quả điều tra địa chất thủy văn thì vùng Bắc Ninh có nguồn nước ngầm mạch nông, chiều dày tầng trung bình 10 - 12 m và là tầng chứa nước có áp, lưu lượng nước khá phong phú (3,5 - 10,6 l/s.m). Vùng phía Bắc có trữ lượng khá lớn, khả năng khai thác với trữ lượng cao và chất lượng đảm bảo: khu vực làng Hữu Chấp, Đâu Hàn thuộc phường Hòa Long với trữ lượng khoảng 13.000 m³/ngày đêm; Khu vực phía Đông Nam thành phố có trữ lượng nước dồi dào song chất lượng không đảm bảo.

Nhìn chung, nguồn nước của thành phố tương đối dồi dào và phong phú kể cả về nguồn nước ngầm và nguồn nước mặt, là điều kiện để xây dựng các hệ thống cấp nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của thành phố trong thời gian tới. Tuy nhiên, nguồn nước tại một số khu vực đã có nguy cơ bị ô nhiễm do các yếu tố tác nhân trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là việc sản xuất tiểu thủ công nghiệp của một số làng nghề và quá trình đô thị hóa mạnh mẽ trong thời gian vừa qua.

1.2.3. Tài nguyên rừng:

Diện tích rừng của toàn thành phố có khoảng 201,59 ha, chiếm 2,4 % diện tích tự nhiên, chủ yếu là rừng phòng hộ và nằm rải rác tại các phường Vũ Ninh, Thị Cầu, Võ Cường, Hoà Long, Vân Dương, Nam Sơn, Khắc Niệm, Hạp Lĩnh

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản:

Theo số liệu điều tra khảo sát, trên địa bàn thành phố Bắc Ninh nghèo về tài nguyên khoáng sản. Khoáng sản chủ yếu là các nguồn vật liệu xây dựng như cát, đất sét nhưng với trữ lượng thấp, ít có ý nghĩa trong khai thác thương mại.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn và du lịch

Thành phố Bắc Ninh là một đơn vị hành chính gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của tỉnh Bắc Ninh. Xét về lịch sử, Thành phố là một đô thị cổ có quá trình hình thành và phát triển từ lâu đời. Theo các tài liệu lịch sử và khảo cổ, dưới thời Bắc thuộc và trong thời kỳ Lý - Trần, khu vực Xuân Ổ là điểm kinh tế sầm uất. Thời kỳ nhà Lê, việc buôn bán thông thương chuyển lên vùng phố chợ ven sông Như Nguyệt (khu vực Thị Cầu, Đáp Cầu ngày nay) và chính thời kỳ đó, nhà Lê xây dựng lên trấn thành Kinh Bắc. Đến năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), trấn Kinh Bắc được gọi là Bắc Ninh; năm Minh Mệnh 12 (1831) được đổi thành tỉnh Bắc Ninh với 4 phủ và 20 huyện.

Thành phố Bắc Ninh còn là trung tâm văn hóa của vùng Kinh Bắc xưa, nơi đây thuộc vùng đất Địa linh nhân kiệt có lịch sử lâu đời về truyền thống hiếu học, khoa bảng và được coi là cái nôi của nền văn hóa nước ta.

Tất cả những điều đó đã tạo cho thành phố một nguồn tài nguyên nhân lực giàu chất nhân văn vô cùng quý giá và trở thành tiền đề, điều kiện thuận lợi để tiếp tục kế thừa, phát huy nhằm thúc đẩy cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

***. Lịch sử hình thành và phát triển của thành phố Bắc Ninh**

Năm 1948, do tình hình kháng chiến đòi hỏi, theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ lúc bấy giờ là ông Phan Kế Toại, Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh ra sắc lệnh 162/SL ngày 14 tháng 4 năm 1948 tạm thời giải tán thị xã Bắc Ninh (trong giai đoạn kháng chiến), sáp nhập một phần vào huyện Yên Phong thành khu phố Kinh Bắc và sáp nhập phần còn lại vào huyện Võ Giàng thành khu phố Vũ Ninh.

Năm 1962, hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh hợp nhất thành tỉnh Hà Bắc, thị xã Bắc Ninh thuộc tỉnh Hà Bắc.

Sau năm 1975, thị xã Bắc Ninh có 5 phường: Đáp Cầu, Ninh Xá, Thị Cầu, Tiên An, Vệ An và 2 xã: Kinh Bắc, Vũ Ninh.

Ngày 3 tháng 5 năm 1985, xã Đại Phúc của huyện Quế Võ và xã Võ Cường của huyện Tiên Sơn (nay là huyện Tiên Du và thị xã Từ Sơn) được sáp nhập vào thị xã Bắc Ninh.

Ngày 6 tháng 11 năm 1996, Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 10 phê chuẩn về việc tách và thành lập một số tỉnh. Theo đó, tỉnh Bắc Ninh được tái lập, thị xã Bắc Ninh là tỉnh lỵ tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 8 tháng 4 năm 2002, thành lập phường Suối Hoa trên cơ sở 48,87 ha diện tích đất tự nhiên và 1.405 người của xã Vũ Ninh; 16,98 ha diện tích đất tự nhiên và 2.649 người của xã Đại Phúc, 52,65 ha diện tích đất tự nhiên của xã Kinh Bắc.

Ngày 25 tháng 8 năm 2003, thành lập 3 phường Vũ Ninh, Kinh Bắc và Đại Phúc trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của 3 xã tương ứng.

Ngày 11 tháng 5 năm 2005, thị xã Bắc Ninh được công nhận là đô thị loại III.

Ngày 26 tháng 1 năm 2006, Chính phủ ban hành nghị định thành lập thành phố thuộc tỉnh trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị xã Bắc Ninh, với 9 phường: Đáp Cầu, Thị Cầu, Vũ Ninh, Suối Hoa, Tiên An, Ninh Xá, Vệ An, Kinh Bắc, Đại Phúc và 1 xã: Võ Cường, tổng diện tích 23,34 km², dân số là 121.028 người.

Ngày 9 tháng 4 năm 2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2007/NĐ-CP điều chỉnh địa giới thành phố Bắc Ninh. Theo đó, sáp nhập 9 xã: Kim Chân, Vân Dương, Nam Sơn (thuộc huyện Quế Võ), Hạp Lĩnh, Khắc Niệm (thuộc huyện Tiên Du), Phong Khê, Khúc Xuyên, Vạn An, Hòa Long (thuộc huyện Yên Phong) vào thành phố Bắc Ninh và thành lập phường Võ Cường thuộc thành phố Bắc Ninh. Thành phố có 10 phường và 9 xã, với tổng diện tích 80,28 km², dân số là 150.331 người.

Ngày 5 tháng 2 năm 2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP thành lập các phường Vân Dương, Vạn An, Hạp Lĩnh từ các xã có tên tương ứng, thành phố Bắc Ninh có 13 phường và 6 xã.

Ngày 29 tháng 12 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 137/NQ-CP thành lập các phường Khắc Niệm, Khúc Xuyên và Phong Khê từ các xã có tên tương ứng, thành phố Bắc Ninh thành 16 phường và 3 xã.

Ngày 25 tháng 6 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1044/QĐ-TTg công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại II

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2088/QĐ-TTg công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại I thuộc tỉnh Bắc Ninh

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 787/NQ-UBTVQH14 chuyển 3 xã: Hòa Long, Kim Chân, Nam Sơn thành 3 phường có tên tương ứng (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 12 năm 2019).

Thành phố Bắc Ninh có 19 phường trực thuộc như hiện nay.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Thành phố có cảnh quan và không gian vô cùng đặc biệt, giữa một vùng đồng bằng trù phú nổi lên một quần thể các gò đồi bát úp, nằm cạnh sông Cầu thơ mộng, mặt nước bình yên cùng với một quần thể di tích lịch sử văn hóa đình, đền, chùa: gồm Văn Miếu - di tích một vùng hiếu học nằm trên đỉnh núi Nác; Thành Cổ - công trình có kiến trúc nghệ thuật quân sự thành lũy độc đáo và thị thành Bắc Ninh nằm trong cụm không gian cảnh quan đô thị cổ (không gian hạt nhân của đô thị có tính lịch sử cao). Tất cả tạo cho thành phố một cảnh quan hấp dẫn, đầy tiềm năng để phát triển du lịch văn hóa.

Tuy nhiên, với tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng trong giai đoạn vừa qua, môi trường sinh thái phải chịu những tác động xấu và đã có những biểu hiện bị suy thoái và nguy cơ bị ô nhiễm.

Tiếp tục thực hiện Đề án Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện sâu rộng, có hiệu quả Luật bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/9/2018 của BTV Thành ủy về Tăng cường công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Bắc Ninh giai đoạn 2018 - 2022, phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, doanh nghiệp đủ điều kiện trên địa bàn thành phố để quản lý theo quy định. Có 300 tổ dân cư tham gia Cuộc vận động Vì thành phố Bắc Ninh sạch và Chương trình 10 phút góp phần làm sạch thành phố. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại Phong Khê, Khắc Niệm. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với 35 cơ sở, xử lý 04 trường hợp vi phạm và phạt 107 triệu đồng, đang hoàn thiện hồ sơ xử lý vi phạm đối với 06 trường hợp.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Thuận lợi và cơ hội phát triển

Thành phố Bắc Ninh có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là trung tâm văn hoá, chính trị của tỉnh Bắc Ninh vì vậy, việc xây dựng và phát triển nhanh, toàn diện có vai trò, ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với tỉnh mà còn đối với toàn vùng. Trong những năm tiếp theo thành phố sẽ có sự phát triển mạnh mẽ, sự phát triển đó dựa vào những

thuận lợi sau:

- Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên cực kỳ ưu đãi khi nằm ở vùng trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Ninh; có đầy đủ các nguồn tài nguyên như tài nguyên tự nhiên như: đất đai, nước, rừng, khoáng sản và tài nguyên nhân văn phong phú, như: hệ thống các di sản, di tích, các lễ hội truyền thống, các không gian sống - kiến trúc và mỹ thuật... đây là điều kiện rất quan trọng cho việc phát triển kinh tế, xã hội của thành phố.

- Là vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ và vùng thủ đô, nằm trong vùng thủ đô Hà Nội, thành phố Bắc Ninh được xác định là một trọng tâm kinh tế, kết nối Thủ đô Hà Nội với các cảng biển Bắc Bộ; có tiềm năng phát triển: Công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại và kinh tế tri thức. Là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của Vùng Thủ đô Hà Nội, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước, có ý nghĩa quốc tế; gắn kết với các hành lang kinh tế: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TP HCM - Mộc Bài và vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ.

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, an ninh, quốc phòng của tỉnh, có vị trí chiến lược về kinh tế quốc phòng của khu vực đồng bằng phía Bắc sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội 30km, cách sân bay quốc tế Nội Bài 30km; nằm trên trục Cao tốc QL1A và các QL18, QL38; hiện có đường sắt quốc gia và theo quy hoạch sẽ có tuyến đường sắt xuyên Á đi qua; là đầu mối giao thông của vùng tam giác kinh tế trọng điểm và đây sẽ là lợi thế quan trọng thúc đẩy sự phát triển mạnh nền kinh tế của thành phố trong giai đoạn tới.

- Với nhiều giá trị truyền thống, lịch sử văn hóa lâu đời, là nơi hội tụ của kho tàng văn hóa nghệ thuật đặc sắc với làn điệu dân ca Quan họ và hệ thống di tích lịch sử, văn hóa mà tiêu biểu là các đình, chùa. Dân ca Quan họ Bắc Ninh là một trong số di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO công nhận. Thành phố Bắc Ninh là thủy tổ của dòng chơi quan họ, một lối chơi văn hoá tinh tường, độc đáo, đạt tới đỉnh cao của thi ca và âm nhạc mà chỉ người Bắc Ninh mới có... mang lại cho Bắc Ninh một sản phẩm du lịch văn hóa truyền thống độc đáo, đây sẽ là lợi thế cho phát triển ngành du lịch văn hoá của thành phố trong giai đoạn tới.

- Là mảnh đất Địa linh, Nhân kiệt, cảnh quan môi trường hấp dẫn, trong lành, nhân dân cần cù, giữ gìn truyền thống văn hoá, yêu nước, hiếu học, có nhiều di tích lịch sử các cấp trên địa bàn ... Đây là những tiền đề để phát triển ngành du lịch, cảnh quan gắn liền với các truyền thuyết, với lịch sử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc...

1.4.2. Những tồn tại, hạn chế.

Vấn đề môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các khu làng nghề sản xuất tập trung trên địa bàn thành phố đã và đang là thách thức và tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân và môi trường công cộng và không gian sống trên địa bàn thành phố.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế xã hội

Trên đà phát triển chung của xã hội, những năm gần đây nền kinh tế của thành phố có bước tăng trưởng và phát triển khá toàn diện; chất lượng tăng trưởng của một số ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện và bắt đầu phát huy hiệu quả. Tiềm năng, lợi thế trên địa bàn được tập trung khai thác, chất lượng sản phẩm từng bước được nâng cao.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 ước đạt 36.834,8 tỷ đồng, đạt 97,4% quy hoạch, tăng 3,6% so với năm 2019 và chiếm khoảng 30% GRDP toàn tỉnh. Về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng thương mại - dịch vụ chiếm 52,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 46,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,8% (tương ứng năm 2019 là 52,4%, 46,7%, 0,9%).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Bắc Ninh liên tục đạt mức cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân củ giai đoạn đạt 12,8%/năm vượt 1,8% so với Nghị quyết. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, có sự chuyển dịch phù hợp với xu thế chung của toàn tỉnh, tăng tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ, công nghiệp – xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố với tổng kinh phí hơn 3,71 tỷ đồng. Giá trị sản xuất canh tác ước đạt khoảng 132,2 triệu/ha. Tập trung chăm sóc và phòng trừ sinh vật hại lúa, rau màu, đảm bảo tiến độ gieo cấy theo kế hoạch đã đề ra. Triển khai các thủ tục cho thuê đất thực hiện dự án nông nghiệp ứng dụng cao tại phường Hòa Long với diện tích khoảng 6,2ha. Hỗ trợ 13.149 kg thóc giống. (Trong đó, có 5.025 kg giống lúa năng suất cao, 7.358 kg giống lúa chất lượng, 766 kg giống lúa thuần khác).

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản như công tác chỉ đạo, hỗ trợ về kỹ thuật, giống, vật tư, song sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi thời tiết, dịch bệnh vì vậy diện tích cấy lúa vụ xuân chỉ đạt 86,16% quy hoạch (1.637/1.900ha), diện tích cấy lúa vụ mùa chỉ đạt 90,65% quy hoạch (1.430,6/1,578ha). Năng suất lúa vụ xuân đạt 62,1 tạ/ha, (tăng 1,1 tạ/ha so với năm 2019); năng suất lúa vụ mùa đạt 57,5 tạ/ha (tăng 2,2 tạ/ha so với năm 2019). Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 360ha. Diện tích trồng rau màu vụ xuân khoảng 219ha (tăng 14 ha so năm 2019, đạt 81,47% quy hoạch), vụ hè - thu diện tích khoảng 192,6 ha (tương đương so năm 2019, đạt 99,2% quy hoạch). Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước 645 tỷ đồng, đạt 96,3% quy hoạch, giảm 0,2% so năm 2019.

Về chăn nuôi: Chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm theo đúng quy trình kỹ thuật. Tổ chức tiêu hủy 4.475 con vịt (11,4 tấn) phòng dịch cúm gia cầm H5N6, 161 con lợn (6,2 tấn) phòng dịch tả lợn Châu Phi. Tổ chức tiêm phòng vắc xin được 353.129 liều vắc xin cho gia súc, gia cầm trên địa bàn trong 2 đợt.

Tổng đàn hiện có 26.513 con lợn; 1.178 con trâu, bò và 296.600 con gia cầm các loại.

Tăng cường công tác tuyên truyền, chủ động các biện pháp phòng, chống cháy rừng; làm tốt công tác quản lý, bảo vệ và chăm sóc 229,83 ha rừng trồng hiện có, hoàn thành trồng 8,4ha rừng sau cháy. Trồng được khoảng 23.000 cây phân tán các loại (đạt 100% quy hoạch giao). Hoàn thiện các hạng mục dự án tôn tạo lâm viên núi Điều Sơn, phường Thị Cầu.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng trên địa bàn thành phố Bắc Ninh có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 15,7%. Tình hình sản xuất công nghiệp - xây dựng tiếp tục được duy trì ổn định và từng bước phát triển, nhiều doanh nghiệp mới được thành lập và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Thành phố đã tập trung triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh nhằm phục hồi kinh tế do ảnh hưởng của dịch Covid -19 gây ra. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 3,6% so với năm 2019, chiếm 41,5% tổng giá trị gia tăng kinh tế, ước 123.772 tỷ đồng, tăng 1,5% so với kế hoạch năm.

Sản xuất công nghiệp có tín hiệu tăng trưởng tích cực trở lại sau tác động của dịch bệnh Covid-19, giá trị sản xuất ước đạt 123.772 tỷ đồng, đạt 101,5% quy hoạch, tăng 3,6% so với năm 2019. Hoàn thành Đề án chuyển đổi cụm công nghiệp Phong Khê I và các cơ sở sản xuất giấy trong khu dân cư thành khu thương mại dịch vụ, nhà ở, được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 5/2020. Đồng thời, phối hợp với các ngành chức năng, nhà đầu tư tổ chức triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề Khúc Xuyên.

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ tăng trưởng có xu hướng dần ổn định, phục hồi sau tác động của dịch Covid-19. Nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng của người dân gia tăng. Các chợ, cửa hàng tiện ích, siêu thị, trung tâm thương mại... bảo đảm cung ứng đầy đủ hàng hóa thiết yếu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 31.800 tỷ đồng, đạt 85,8% quy hoạch, tăng 4,2% so với năm 2019 và chiếm 50,3% giá trị toàn tỉnh. Tổ chức các hoạt động mua sắm, hoạt động đường phố tại các tuyến phố chuyên doanh nhằm kích cầu tiêu dùng, đồng thời quan tâm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Hoàn thành và đưa chợ Nam Sơn vào hoạt động. Công tác quản lý thị trường được tăng cường, nhất là trong đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19; đã kiểm tra và xử lý 126 trường hợp, tổng số tiền phạt hành chính, trị giá hàng hóa tịch thu, trị giá hàng hóa tịch thu buộc tiêu hủy là 2,56 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2020, thành phố đã tập trung đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 15/7/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Bắc Ninh, sau 5 năm thực hiện đã đạt được nhiều

kết quả quan trọng đối với cả thành phố và cả tỉnh Bắc Ninh. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn là 17,3%.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.

a) Dân số, nhân khẩu

Năm 2020, dân số thường trú toàn thành phố có khoảng 247.800 người; Nhìn chung, dân cư phân bố không đều giữa các đơn vị hành chính phường; Tại khu vực các phường nội thị, nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, hệ thống hạ tầng cơ sở đồng bộ, mật độ dân số thường cao: Phường Tiên An 19.673 người/km²; Ninh Xá 13.409 người/km²; thấp nhất là Nam Sơn 1.292 người/km².

Trong năm qua, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình luôn được các cấp ngành chú trọng, tỷ lệ sinh hàng năm ít có sự biến động lớn. Tuy nhiên, gần đây dân số liên tục gia tăng cơ học do sức hút từ quá trình mở mang, phát triển đô thị và các khu dân cư mới. Với tốc độ đô thị hóa ngày càng cao như hiện nay, cùng với việc phát triển và hình thành các khu, cụm công nghiệp, trường đại học, các khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư trong thời gian tới thì tỷ lệ tăng dân số cơ học theo dự báo sẽ có nhiều biến động.

b) Lao động, việc làm, thu nhập

Với vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ của tỉnh Bắc Ninh; có vị thế quan trọng tập trung nhiều khu công nghiệp, trường học, bệnh viện. Là đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh và của cả vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, thành phố Bắc Ninh có nền kinh tế phát triển, có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng dịch vụ tốt, có nhiều điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chất lượng cuộc sống khu vực đô thị ngày một được cải thiện, nâng cao, vì vậy đây sẽ là một cực thu hút được lượng lớn lực lượng lao động và dân cư trên địa bàn tỉnh cũng như trong vùng thủ đô Hà Nội về làm việc và sinh sống.

Trình độ học vấn trong lực lượng lao động của thành phố đang có xu hướng nâng lên và có khả năng tăng nhanh trong các năm sau, nhờ chính sách thu hút lao động giỏi về làm việc tại địa phương của tỉnh và của thành phố. Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo được chú trọng quan tâm, giải quyết việc làm cho khoảng 4.000 lao động, đạt 80% quy hoạch. Hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ xây mới 03 nhà và sửa chữa 01 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí 267 triệu đồng. Số hộ nghèo giảm 122/488 hộ, đạt 25%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,59%, thu nhập bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 7.980 USD

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

Theo Quyết định số 2088/QĐ-TTg ngày 25/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ đã công nhận thành phố Bắc Ninh là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích tự nhiên 8264,05 ha gồm 19 đơn vị phường.

Trong quá trình phát triển thành phố Bắc Ninh, để thực hiện quản lý Nhà nước về quản lý đô thị các lĩnh vực: Quản lý quy hoạch kiến trúc, đất đai, đầu tư xây dựng; sử dụng, khai thác các tiện ích từ hệ thống hạ tầng đô thị, môi trường và trật tự an toàn đô thị... sau khi quy hoạch đô thị được phê duyệt, UBND tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc trên địa bàn thành phố. Từ đó thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Việc xây dựng phát triển đô thị được thành phố thống nhất quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng (đối với khu vực hiện hữu) và theo quy định quản lý xây dựng (đối với các dự án khu đô thị mới, khu dân cư được lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng).

Trong những năm gần đây, nhiều khu đô thị mới, khu dân cư như: khu đô thị Bắc đường Kinh Dương Vương, khu đô thị đường Lê Thái Tổ, khu đô thị đường Nguyễn Quyền, khu đô thị Nam Võ Cường, Khu đô thị HUD, Khu đô thị Việt Trang, khu đô thị Tây Bắc... đã và đang được xây dựng đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng cũng như nhà ở.

- Về triển khai đầu tư xây dựng các khu vực phát triển đô thị: Tiếp tục đầu tư và lấp đầy các Khu đô thị mới như: Khu đô thị Bắc đường Kinh Dương Vương; Khu đô thị Nam Võ Cường; Khu đô thị đường Lê Thái Tổ; Khu đô thị đường Nguyễn Quyền; Khu đô thị Phúc Ninh. Ngoài ra còn có một số khu nhà ở do Thành phố làm chủ đầu tư như: Khu nhà ở Hồ Ngọc Lân 1,2,3,4; Khu nhà ở Vũ Ninh- Kinh Bắc; Khu nhà ở Hòa Long- Kinh Bắc...

2.4.2. Về nội dung quản lý đô thị

- Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị giai đoạn 2016- 2020, Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 17/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 19/1/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường triển khai thực hiện công tác Quy hoạch phát triển đô thị trên địa bàn, UBND thành phố Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 02, tập trung xây dựng kế hoạch và triển khai quyết liệt nhiệm vụ, song song với công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm như vi phạm trật tự xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, trong đó thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định về lĩnh vực đô thị để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng cường việc quản lý và xử lý vi phạm.

Trong quá trình phát triển thành phố Bắc Ninh, để thực hiện quản lý Nhà nước về quản lý đô thị các lĩnh vực: Quản lý quy hoạch kiến trúc, đất đai, đầu tư xây dựng; sử dụng, khai thác các tiện ích từ hệ thống hạ tầng đô thị, môi trường và trật tự an toàn đô thị... sau khi quy hoạch đô thị được phê duyệt, UBND tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc trên địa bàn thành phố. Từ đó thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Việc xây dựng phát triển đô thị được thành phố thống nhất quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng (đối với khu vực hiện hữu) và theo quy định quản lý xây dựng (đối với các dự án khu đô thị mới, khu dân cư được lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng).

2.4.3. Kiến trúc cảnh quan đô thị

- Tuyến phố văn minh đô thị

Tăng cường trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị, trong những năm qua, UBND thành phố Bắc Ninh tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý, chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường, qua đó, công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức và người dân được nâng cao, bộ mặt đô thị ngày một khang trang.



Hình 2: Một trong những tuyến phố văn minh đô thị

Thành phố đã huy động mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển thành phố theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại.

- Không gian công cộng đô thị

Thành phố đã triển khai xây dựng nhiều công trình điểm nhân lịch sử - văn hóa, kiến trúc đô thị như: Trung tâm văn hóa Kinh Bắc, công viên tượng đài Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, công viên Hồ Điều hòa Văn Miếu, Cột cờ Bắc Ninh... các công trình kiến trúc được gắn với không gian quảng trường hình thành không gian sinh hoạt cộng đồng của người dân đô thị. Hiện có nhiều khu vực sử dụng cho sinh hoạt công cộng ngoài trời là các quảng trường, công viên trung tâm và các không gian tại các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa.



Hình 3: Quảng trường TTVH Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh



Hình 4: Quảng trường đài tưởng niệm AHLS, thành phố Bắc Ninh

2.5. Thực trạng phát triển hạ tầng

2.5.1. Giao thông

Thành phố Bắc Ninh nằm trên hành lang giao thông Hà Nội - Quảng Ninh, Hà Nội - Lạng Sơn, hệ thống giao thông đối ngoại (đường sắt, đường bộ, đường thủy) tạo ra mạng lưới giao thông liên hoàn, đồng bộ, là điều kiện thuận lợi để Thành phố khai

thác phát triển kinh tế xã hội.

* *Đường sắt*: Tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn khổ 1m chạy qua Thành phố có chiều dài gần 8,8 km, chia thành phố thành hai khu vực Đông và Tây. Dọc theo tuyến qua Thành phố có 2 ga: ga hành khách ở trung tâm cũ (phường Ninh Xá) và ga hàng hóa (phường Thị Cầu), chiều dài ga 600 m. Hiện tại, chất lượng đường và ga đều đã xuống cấp, khả năng sử dụng khai thác hạn chế, các ga chủ yếu tiếp nhận một số hàng vật liệu xây dựng, phân bón và hàng tiêu dùng, lượng hành khách qua lại ngày càng có xu hướng giảm.

* *Đường bộ*: Mạng lưới đường bộ được hình thành từ nhiều năm trước đây, cơ bản hợp lý về quy hoạch mạng lưới chung. Thực trạng một số tuyến đường chính chạy trên địa bàn thành phố như sau:

- Quốc lộ 1A chạy giữa trung tâm thành phố (từ Khắc Niệm đến cầu Nhu Nguyệt) dài 11,85 km, đạt tiêu chuẩn đường cao tốc;

- Quốc lộ 18 mới nối Bắc Ninh với thành phố Hạ Long, đoạn chạy qua Thành phố (từ Phong Khê đến đường quốc lộ 1A), có chiều dài 6 km, đạt tiêu chuẩn đường cao tốc;

- Quốc lộ 38 đi Tân Chi, đoạn qua thành phố (từ trung tâm thành phố đến Hạp Lĩnh) dài 6,4 km, đã được nâng cấp đạt chất lượng tốt;

- Tỉnh lộ có 03 tuyến gồm TL286, TL279, TL 295B với tổng chiều dài 39,62 km, trong đó một số đoạn ngoài khu vực nội thị mới đạt tiêu chuẩn đường cấp 5 đồng bằng (nền rộng 6,5 m, mặt rộng 3,5 m); Tỉnh lộ 295B chạy song song với tuyến đường sắt về phía Đông, đoạn qua thành phố từ phường Võ Cường đến cầu Đập Cầu dài 9,02 km, đoạn chạy qua trung tâm có mặt đường rộng trung bình 12 m, hè hai bên mỗi bên 4 - 5 m; đoạn ngoài trung tâm có mặt đường rộng 7 m, nền đường rộng 12 m;

- Đường nội thị có trên 76 tuyến với tổng chiều dài khoảng 91km, chất lượng đường hiện đại (trải bê tông, trải nhựa) hai bên đều được bố trí vỉa hè trồng cây xanh, đèn chiếu sáng, dải phân cách;

- Đối với các tuyến đường địa phương, nhất là hệ thống trục đường cấp phường nhìn chung chưa tốt, nền đường, mặt đường hẹp. Các tuyến đường trong thôn xóm đạt cấp B, cấp A (nền rộng 4 – 5 m, mặt rộng 3 m), tỷ lệ gạch và bê tông hóa chiếm 90% tổng chiều dài tuyến. Các tuyến đường nội khu công nghiệp, cơ bản được xây dựng đảm bảo quy hoạch và tải trọng cao.

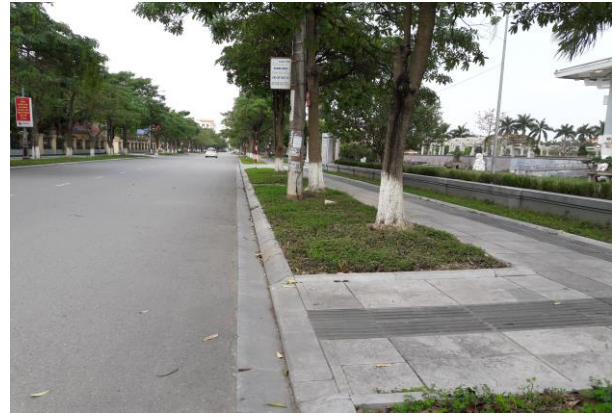
* *Đường thủy*: Phía Bắc thành phố có sông Cầu chảy qua dài 32,3 km, dọc sông này là hệ thống cảng chuyên dùng, độ sâu dòng sông 1,4 - 3,0 m, có khả năng cho các phương tiện thủy (tàu, xà lan) có tải trọng 300 - 400 tấn đi qua. Hiện có 3 cảng lớn, hàng năm xếp dỡ một lượng hàng hóa lớn chủ yếu là nguyên, vật liệu phục vụ cho công nghiệp và xây dựng.

Nhìn chung hạ tầng giao thông của Thành phố khá thuận lợi: đường bộ trên địa bàn có mật độ tương đối dày, liên hệ với đường sắt và đường sông tạo thành mạng lưới giao thông thuận tiện, giữ vai trò quan trọng trong việc giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội với các

thành phố cũng như các địa phương khác trong khu vực; các tuyến đường quốc lộ, đường nội thị cơ bản đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch, chất lượng đường tốt, đảm bảo thuận tiện cho các hoạt động và các thành phần tham gia giao thông. Tuy nhiên, việc tồn tại tuyến đường sắt trong khu vực nội thị không những ảnh hưởng đến mối liên hệ và mức độ liên kết giao lưu mà còn ảnh hưởng đến môi trường đô thị cũng như mức độ an toàn giao thông của người và phương tiện tham gia giao thông.



Hình 5: Cao tốc QL 1 (AH1)



Hình 6: Một số tuyến đường trong đô thị

2.5.2. Thủy lợi, cấp thoát nước

a. Thủy Lợi

Thành phố có hệ thống thủy nông, kênh mương chính bao gồm: sông Ngũ Thành phố Khê, kênh Tào Khê và kênh Nam, giữ vai trò thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu nước phục vụ dân sinh xã hội và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố và các địa phương của Yên Phong, Tiên Du. Toàn thành phố hiện có trên 12 trạm bơm các loại, trong đó có các trạm bơm tưới tiêu chính như: Đặng Xá, Vạn An 1, Kim Đồi... Các công trình được xây dựng cách đây 20 - 30 năm nên máy móc đã cũ, lạc hậu, nhiều trạm bơm xuống cấp, năng lực tưới, tiêu chưa đảm bảo theo công suất thiết kế. Công tác kiên cố hóa kênh mương được coi trọng, đến nay đã cơ bản cứng hóa kênh mương các loại. Kết hợp với các tuyến kênh mương chính và các trạm bơm tưới tiêu, nên hệ thống thủy nông vẫn đảm bảo tưới cho khoảng trên 80% diện tích gieo trồng, chủ động tiêu gần 70% diện tích của thành phố và các địa phương thuộc thành phố Yên Phong, Tiên Du. Bên cạnh đó, công tác phòng, chống bão lụt cũng được chú trọng nên đã giảm thiểu được những thiệt hại do thiên tai.

b. Cấp thoát nước

* *Hệ thống cấp nước*: Khu vực Thành phố Bắc Ninh được đầu tư, nâng cấp từ nhà máy nước công suất 18.000 m³/ngày đem dùng nguồn nước ngầm. Các hạng mục công trình đã được xây dựng gồm: 8 giếng khoan, công suất mỗi giếng 80 m³/giờ, giếng có độ sâu trung bình 25 - 31 m, hiện tại có 6 giếng làm việc, 2 giếng dự phòng; xây dựng và lắp đặt 8 trạm bơm giếng; tuyến ống nước thô dài 5,6 km; khu xử lý bao gồm: thiết bị làm thoáng tải trọng cao, cụm lắng lọc hợp khối, trạm bơm nước sạch + rửa lọc, trạm Clorato, bể chứa nước sạch 2.000 m³; trạm bơm cấp II, khu xử lý bùn; đài nước 1.500 m³ trên núi Pháo đài và mạng lưới đường ống dẫn nước. Hệ thống này cấp cho 12.000 hộ dân, 134 cơ

quan, 3 bệnh viện với tiêu chuẩn cấp 70 lít/người/ngày đêm.

Ngoài ra, trên địa bàn thành phố còn một số trạm cấp nước riêng lẻ, công suất nhỏ, công trình xử lý xây dựng từ lâu, lạc hậu, thiết bị cũ, chất lượng nước chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Cụ thể:

- Trạm nhà máy kính Đáp Cầu, công suất 3.000 m³/ngày đêm; thực tế khai thác 2.000 m³/ngày đêm, nguồn nước ngầm tại làng Đầu Hàn;

- Trạm nhà máy thuốc lá Bắc Sơn, công suất 1.000 m³/ngày đêm; lấy nước sông Cầu 500 m³/ngày đêm và nước nguồn 500 m³/ngày đêm;

Đến nay đã có khoảng trên 85% số hộ dân trong thành phố được dùng nước sạch, số còn lại đang được đầu tư hạ tầng để sớm cung ứng nước sạch đến 100% người tiêu dùng.

* *Hệ thống thoát nước*: Từng bước được đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp. Hạ tầng thoát nước của thành phố hiện có 48,5 km, trong đó có 28,5 km cống ngầm Φ600 - Φ2.000, 20 km cống hộp có nắp đậy tấm đan bê tông cốt thép; 1.100 hố ga các loại, 1.422 m mương cuối nguồn, 04 hồ nước điều hòa cùng với sông Cầu góp phần thu gom 60 - 80% lượng nước mưa, nước thải.

2.5.3. Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo được sắp xếp cơ bản phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Trên địa bàn 19 phường, cơ cấu giáo dục tương đối ổn định; mỗi phường đều có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Hệ thống mạng lưới giáo dục trên địa bàn thành phố tương đối hoàn chỉnh với đầy đủ các cấp học Từ Đại học, cao đẳng, THPT, THCS, tiểu học, mầm non..

Năm 2020 hạ tầng cơ sở của ngành giáo dục trên địa bàn Thành phố gồm có 07 trường phổ thông trung học, 211 lớp với 8.346 học sinh; 20 trường trung học cơ sở, 302 lớp với 12.269 học sinh; 25 trường tiểu học, 496 lớp, 20.853 học sinh; 27 trường mầm non, 726 lớp mầm non.

Tiếp tục quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn; tăng cường dạy và học tiếng Anh theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy nhằm phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh; 100% học sinh Tiểu học và THCS tiếp cận được phương pháp học tiếng Anh qua các phần mềm trực tuyến, mạng Internet. Kết quả thi học sinh giỏi năm học 2019 - 2020 thành phố xếp thứ ba toàn tỉnh với tổng số 50 giải (01 nhất, 11 nhì, 18 ba, 20 khuyến khích), trong đó Đội tuyển tiếng Anh xếp thứ nhất với 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, 02 giải khuyến khích; tổ chức thi học sinh giỏi cấp thành phố với 541 giải.

Hoàn thành công tác tuyển sinh với 4.882 học sinh vào lớp 1 và triển khai tốt nhiệm vụ năm học 2020-2021; chọn bộ sách giáo khoa Cùng học để phát triển năng lực. Hướng dẫn các trường thỏa thuận với Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai công tác quản lý, sử dụng các khoản thu và yêu cầu 75 trường học trên địa bàn (30 trường Mầm non, 24 trường Tiểu học và 21 trường THCS) triển khai làm tốt công tác quản lý, sử dụng các khoản thu đầu năm học 2020 - 2021 theo đúng quy định.



Hình 7: Trường đại học Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh



Hình 8: Học viện Ngân hàng, phân viện Bắc Ninh, thành phố Bắc Ninh

2.5.4. Văn hóa, thể dục - thể thao

Hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao đã có sự chuyển biến tích cực, từng bước phát triển chiều rộng và đi vào chiều sâu, góp phần đẩy lùi văn hóa phẩm độc hại, tệ nạn mê tín dị đoan, giữ gìn trật tự xã hội. Trong thành phố đã xuất hiện nhiều loại hình văn hóa đa dạng, phong phú phù hợp với tính chất, đặc thù của dân cư các vùng, đáp ứng một phần nhu cầu và mức độ hưởng thụ của người dân. Bản sắc văn hóa Bắc Ninh được giữ gìn và phát huy, các lễ hội văn hóa truyền thống được khôi phục.

Đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức các phong trào thi đua thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đề ra; chào mừng các ngày lễ, ngày kỷ niệm, các sự kiện lớn, tuyên truyền về kết quả đạt được của thành phố trong nhiệm kỳ 2015-2020, tổ chức các hoạt động chào mừng và các nội dung thông tin, tuyên truyền, nghệ thuật, thể dục - thể thao chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp. Tổ chức thành công đại hội thi đua yêu nước thành phố giai đoạn 2020-2025. Xuất bản 1.000 cuốn sổ tay du lịch với chủ đề Du lịch thành phố miền Quan họ, tập san Văn nghệ Thành Bắc. Tuyên truyền kịp thời, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 (với 2.000 pano, áp phích và 10.000 tờ rơi).

Nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng tuyến phố văn minh đô thị. Năm 2020 có 46.961/48.865 hộ gia đình đăng ký đạt gia đình văn hóa (96,1%), 114/114 khu phố (100%) đăng ký đạt danh hiệu văn hóa, 19/19 phường (100%) đăng ký Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, 202 tuyến phố đăng ký tuyến phố văn minh đô thị. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19; tỷ lệ đám tang hỏa táng, điện táng đạt 58,9%.

Tuyên truyền nhân dân thực hiện tốt công tác bảo tồn di sản văn hoá. Đề nghị và được UBND tỉnh đồng ý chủ trương hỗ trợ kinh phí 4,4 tỷ đồng tu bổ, chống xuống cấp 07 di tích trên địa bàn thành phố năm 2020 (Đình Quả Cảm - Hòa Long, Đình Thụ Ninh - Vạn An, Nhà Cô trạch - Vân Dương, Văn chỉ họ Phạm - Kim Chân, Chùa Yên Mẫn - Kinh Bắc, Đền thờ đức thánh Trần Hưng Đạo - Tiên An, Đình Khu Sơn - Hạp Lĩnh).



Hình 9: Trung tâm VH-TT Thành phố



Hình 10: Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh

2.5.5. Y tế

Mạng lưới y tế từ cấp thành phố đến cơ sở được củng cố, phát triển. Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh được đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại và đang được nâng cấp, cải tạo... Đội ngũ y tế được tăng cường về số lượng và nâng cao về chất lượng. Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện có hiệu quả.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân được thành phố luôn quan tâm; tổ chức rà soát và quản lý chặt chẽ 458 cơ sở, kiểm tra 40 cơ sở, xử phạt 14 cơ sở hành nghề được vi phạm với tổng số tiền 59,5 triệu đồng; tăng cường kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, xử lý hành chính 09 cơ sở vi phạm, thu phạt 74 triệu đồng. Thí điểm mô hình câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng tại phường Khắc Niệm, Võ Cường. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 5% (đạt kế hoạch), riêng thể thấp còi giảm còn 9%.

Thành phố đã tập trung chỉ đạo, đầu tư trang thiết bị y tế, chủ động xây dựng kịch bản, dự phòng các điều kiện để ứng phó với diễn biến dịch theo từng cấp độ và triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn; thường xuyên rà soát, kịp thời cập nhật tình hình người nước ngoài từ vùng dịch đến và người Việt Nam từ nước ngoài trở về lưu trú trên địa bàn thành phố. Tích cực ra quân kiểm tra, nhắc nhở và xử lý hành chính đối với các trường hợp không chấp hành Chỉ thị số 15/CT-TTg, số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.



Hình 11: Bệnh viện đa khoa tỉnh



Hình 12: Trung tâm y tế thành phố

2.5.6. An ninh, quốc phòng

Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương; duy trì trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức tốt Lễ giao nhận quân và hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao (187 công dân), đảm bảo chất lượng, không phải bù đắp, loại trả. Hoàn thành kế hoạch huấn luyện năm 2020. Đưa vào sử dụng trụ sở Ban chỉ huy quân sự thành phố tại vị trí mới. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đảm bảo an ninh, an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao lớn và các Đoàn công tác của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước về công tác, làm việc trên địa bàn. Nắm chắc tình hình, chủ động triển khai các biện pháp đảm bảo tuyệt đối an toàn Đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025. Làm tốt công tác quản lý cư trú, nhất là người nước ngoài. Tích cực triển khai các biện pháp đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông được kiểm chế.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Kết quả đạt được

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020 của thành phố Bắc Ninh liên tục đạt mức cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của giai đoạn đạt 12,8% vượt 1,8% so với Nghị quyết. Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực, có sự chuyển dịch phù hợp với xu thế chung của toàn tỉnh đó là tăng dần tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết chuyên đề về tăng cường trật tự kỷ cương, văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020. Công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn trên địa bàn thành phố luôn được quan tâm đầu tư đảm bảo môi trường đô thị xanh, sạch đẹp.

- Hoàn thành xây dựng trường chuẩn quốc gia 100% các trường công lập đạt chuẩn mức 1, 100% phòng học được kiên cố hoá, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đầy đủ, hiện đại. Chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng: Giao thông, thủy lợi, y tế, văn hoá, xã hội thường xuyên được đầu tư, cải tạo góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Từng bước xây dựng đô thị Bắc Ninh văn minh, hiện đại, văn hiến, giàu bản sắc văn hoá, hướng tới kinh tế tri thức và đô thị thông minh.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ-TU ngày 10/9/2013 của Ban thường vụ tỉnh Ủy về Phương hướng nhiệm vụ phát triển thành phố Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của thành phố luôn được giữ vững, ổn định, thực hiện tốt công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm.

2.6.2. Hạn chế

- Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch đề ra, như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; quy hoạch và đầu tư 10 điểm thu gom rác thải sinh hoạt; GPMB và đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng 100% Trung tâm văn hóa thể thao phường; tạo việc làm cho người lao động; tỷ lệ phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Công tác chuẩn bị đầu tư, GPMB, tiến độ triển khai thực hiện một số dự án, công trình còn chậm; việc đấu nối hạ tầng cũ và mới còn chưa đồng bộ. Xây dựng công trình trên đất nông nghiệp, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, hành lang đê, công trình

thủy lợi còn xảy ra. Vi phạm trật tự đô thị tại một số khu vực công cộng còn xảy ra, chưa được xử lý triệt để. Còn tình trạng dừng đỗ xe không đúng nơi quy định.

- Việc giải quyết những tồn tại về giao đất không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng còn khó khăn. Tiến độ thực hiện một số dự án đấu giá quyền sử dụng đất, dự án đất ở dân cư dịch vụ, khắc phục những tồn tại trong quản lý đất công ích còn chậm. Tiến độ thực hiện các dự án xử lý môi trường tại phường Khắc Niệm và Phong Khê chưa đạt yêu cầu.

- Tình hình an ninh trật tự, tội phạm còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động trong triển khai các nhiệm vụ chính trị được giao; nhiều nội dung còn phải thường xuyên đôn đốc. Việc thực hiện các quyết định, kết luận sau thanh tra, kiểm tra còn chưa được chú trọng; giải quyết đơn thư có nội dung còn chậm và chưa dứt điểm.

2.6.3. Nguyên nhân

- Kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng do tác động của đại dịch Covid-19. Diễn biến phức tạp của khí hậu, thời tiết, dịch bệnh không thuận lợi cho người dân trong công tác sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi.

- Tốc độ đô thị hóa nhanh, lượng người nhập cư, người nước ngoài lớn, xuất hiện nhiều dịch vụ giải trí, cơ sở lưu trú dành cho người nước ngoài và công nhân các khu, cụm công nghiệp; chính sách pháp luật một số lĩnh vực như đất đai, môi trường, xây dựng có nội dung còn bất cập, gây khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Vai trò, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chưa cao, còn thiếu chủ động, quyết liệt; việc phát hiện, xử lý các vi phạm về đất đai, trật tự đô thị, xây dựng, ô nhiễm môi trường, kinh doanh có điều kiện... còn chậm và thiếu kiên quyết, chưa triệt để; công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên có nơi chưa được quan tâm đúng mức; việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên.

- Một bộ phận quần chúng, nhân dân chưa hình thành ý thức, trách nhiệm cao trong việc thực hiện các chính sách, quy định về bồi thường, GPMB, trật tự đô thị, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm...; chưa tích cực tham gia các phong trào thi đua do cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể phát động.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu

Thành phố Bắc Ninh là một trong những địa phương đang chịu ảnh hưởng tác động của sự biến đổi khí hậu. Qua chuỗi số liệu quan trắc khí tượng từ năm 2000 đến năm 2020 cho thấy những biến đổi bất thường của thời tiết trong những năm gần đây như sau:

- Nhiệt độ có xu thế tăng lên, nhiệt độ trung bình trong 10 năm gần đây phổ biến cao hơn từ 0,1 – 0,3°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối đạt từ 37,3 đến 38,5°C. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối không thấp như nhiều năm trước đây kể cả trong những ngày rét đậm, rét hại đầu năm (từ 6 – 7 °C trở lên).

- Nắng nóng có xu thế xuất hiện sớm và kết thúc muộn, số đợt nhiều hơn, xảy ra cục bộ và diễn biến phức tạp, số ngày nắng nóng gay gắt nhiều hơn, điển hình là đợt nắng nóng kéo dài gần 30 ngày trong mùa hè năm 2008 nhiều ngày nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tối cao tuyệt đối từ 37 – 38°C; mùa hè năm 2013, nhiều đợt nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tối cao tuyệt đối dao động từ 38 – 39 °C ở nhiều nơi, gió nam đến tây nam liên tục thổi cả ngày.

- Không khí lạnh có nhiều biểu hiện bất thường, xuất hiện sớm (cuối tháng 8 đã xuất hiện không khí lạnh), hoặc kéo dài muộn (đến tháng 3) số đợt nhiều hơn, diễn biến tạp, nhưng cường độ không mạnh như nhiều năm trước đây. Nhìn chung những năm gần đây không khí lạnh hoạt động phức tạp hơn, số đợt nhiều nhưng cường độ không mạnh, nhiều mùa đông không có rét gây khó khăn cho sản xuất vụ Đông Xuân.

- Mưa có nhiều biểu hiện khác với quy luật thông thường nhiều năm, trong mùa khô ít mưa nhưng có ngày mưa trên 100 mm xảy ra cục bộ. Mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm, đặc biệt là một số năm gần đây mùa mưa đến muộn kết thúc sớm hơn bình thường từ 15 ngày đến 1 tháng. Các đợt mưa lớn ít hơn cả về số đợt lẫn cường độ so với nhiều năm trước đây đặc biệt là mưa lớn trên diện rộng, là do bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến Bắc Ninh ít.

3.2. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với thành phố Bắc Ninh

Hiện tại đối với thành phố Bắc Ninh, mức độ tác động của biến đổi khí hậu tuy chưa cao nhưng cũng cần được quan tâm để đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững đối với hiện tại và tương lai. Một số tác động nghiêm trọng của BĐKH đối với thành phố Bắc Ninh có thể được tóm tắt như sau:

+ Tác động của sự nóng lên toàn cầu:

- Nhiệt độ tăng lên ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên, làm dịch chuyển các ranh giới nhiệt của các hệ sinh thái lục địa và hệ sinh thái nước ngọt, làm thay đổi cơ cấu các loài thực vật và động vật ở một số vùng, một số loài có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới có thể bị mất đi dẫn đến suy giảm tính đa dạng sinh học.

- Đối với sản xuất nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ có thể bị thay đổi ở một số vùng, trong đó vụ đông có thể bị rút ngắn lại hoặc thậm chí không còn vụ đông; vụ mùa kéo dài hơn. Điều đó đòi hỏi phải thay đổi kỹ thuật canh tác. Nhiệt độ tăng và tính biến động của nhiệt độ lớn hơn, kể cả các nhiệt độ cực đại và cực tiểu, cùng với biến động của các yếu tố thời tiết khác và thiên tai làm tăng khả năng phát triển sâu bệnh, dịch bệnh dẫn đến giảm năng suất và sản lượng, tăng nguy cơ và rủi ro đối với nông nghiệp và an ninh lương thực.

- Nhiệt độ tăng, độ ẩm cao làm gia tăng sức ép về nhiệt đối với cơ thể con người, nhất là người già và trẻ em, làm tăng bệnh tật, đặc biệt là các bệnh nhiệt đới, bệnh truyền nhiễm thông qua sự phát triển của các loài vi khuẩn, các côn trùng và vật chủ mang bệnh, chế độ dinh dưỡng và vệ sinh môi trường suy giảm.

- Sự gia tăng của nhiệt độ còn ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác như năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, du lịch, thương mại,... liên quan đến chi phí gia tăng cho việc làm mát, thông gió, bảo quản và vận hành thiết bị, phương tiện, sức bền vật liệu...

- *Tác động của biến đổi khí hậu tới suy thoái đất:*

+ Do tác động của biến đổi khí hậu, mưa lớn kéo dài làm nhiều diện tích gieo trồng vùng thấp trũng sẽ bị ngập làm ảnh hưởng đến chất lượng đất canh tác và bố trí mùa vụ gieo trồng. Mưa lớn làm cho đất bị rửa trôi, nước tưới dư thừa, nước mang đi chất dinh dưỡng hòa tan, trong đó có chứa nhiều chất kiềm như: canxi (Ca), Magiê (Mg), Kali (K)... xuống tầng đất sâu, sông suối, ao hồ và làm cho đất mất chất kiềm, trở nên chua đồng thời làm ô nhiễm nguồn nước sông, ngòi, ao, hồ.

+ Năng nóng kéo dài làm quá trình phân hủy chất hữu cơ xảy ra mạnh. Quá trình phân giải chất hữu cơ thải ra nhiều loại axit Cacbonic (H_2CO_3), axit Sunfuric (H_2SO_4), axit Nitric (HNO_3) axit Axetic (CH_3COOH)... các axit này hòa tan Ca, Mg và rửa trôi, làm cho đất chua.

+ Biến đổi khí hậu có khả năng làm tăng tần số, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, tố, lốc, các thiên tai liên quan đến nhiệt độ và mùa như thời tiết khô nóng, lũ, ngập úng hay hạn hán, sâu bệnh, làm giảm năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi.

3.3. Giải pháp chung đối phó với biến đổi khí hậu

Để đảm bảo ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời gian tới thành phố cần thực hiện các giải pháp sau:

- Cần tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất các cấp một cách đồng bộ. Việc bố trí đất đai cho các mục đích sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất các cấp cần căn cứ vào kết quả đánh giá, phân hạng thích nghi đất đai và đánh giá thực trạng thoái hóa đất để đảm bảo năng suất cao nhất trên một đơn vị diện tích. Đề xuất các giải pháp, và danh mục dự án biến đổi khí hậu ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả tác động của biến đổi khí hậu cho từng nhóm ngành, lĩnh vực của thành phố.

- **Có định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, chính sách tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Tiến hành thâm canh, tăng vụ, đưa các giống mới năng suất cao, chống chịu sâu bệnh vào sản xuất kết hợp với đầu tư bồi bổ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.**

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và tạo vốn đầu tư trên **địa bàn thành phố**. Bố trí đất sản xuất phù hợp và tạo việc làm ổn định để hạn chế tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên đất góp phần bảo vệ đất và cải tạo môi trường.

- Khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ nhằm bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

PHẦN II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

1.1.1. Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính:

Về công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, thành phố đã hoàn thành 100% (19/19 phường) đã được đo đạc, lập bản đồ địa chính với diện tích đo đạc 8.264,05 ha. trong đó: bản đồ tỷ lệ 1/500, diện tích 818,05 ha; bản đồ tỷ lệ 1/1000, diện tích 2.524,2 ha; bản đồ 1/2000, diện tích 4.921,9 ha; tổng số thửa đất đã đo đạc lập bản đồ địa chính 106.531 thửa.

1.1.2. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai:

Hàng năm, thực hiện theo kế hoạch chung của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh, thành phố luôn kịp thời thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai theo tiến độ và quy định đề ra.

Năm 2019, thành phố đã hoàn thành việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 (tính đến ngày 31/12/2019), báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh đáp ứng yêu cầu về nội dung, thời gian và chất lượng theo quy định. Theo số liệu kiểm kê đất đai, tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố là 8.264,05 ha, gồm:

+ Đất nông nghiệp	: 3.575,94 ha.
+ Đất phi nông nghiệp	: 4.649,40 ha.
+ Đất chưa sử dụng	: 38,71 ha.

1.1.3. Công tác đăng ký, lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Thực hiện Luật đất đai năm 2013, tính đến nay, thành phố Bắc Ninh đã kê khai, đăng ký lần đầu được 112.236 giấy chứng nhận; với số thửa đã cấp theo bản đồ địa chính là 33.360 thửa tương ứng với diện tích 1.862,0 ha; số thửa đã cấp theo tài liệu khác là 78.876 thửa tương ứng với 4.165,9 ha; số thửa đã cấp đổi giấy chứng nhận là 29.181 giấy, tương ứng với 734,2 ha.

1.1.4. Công tác quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất.

Thành phố Bắc Ninh đã tập trung hoàn thành công tác lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quy hoạch sử dụng đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 và phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 06/6/2019.

Tính đến thời điểm hiện tại, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước với nhóm đất nông nghiệp đạt tỷ lệ 116,54%, đất phi nông nghiệp đạt 89,7% và đất chưa sử dụng đạt 0%.

1.1.5. Quản lý việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ, các Thông tư và văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, văn bản của UBND tỉnh, các hình thức giao đất gồm có giao đất không thu tiền, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền hàng năm đối các tổ chức, cá nhân trong nước, cho thuê đất có thời hạn và trả tiền một lần đối với nhà đầu tư nước ngoài, Thời hạn giao và cho thuê đất đối với đất trồng cây hàng năm (đất lúa, màu), đất nuôi trồng thủy sản không quá 50 năm, đất trồng cây lâu năm, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không quá 50 năm, đất các công trình xây dựng phục vụ cho hạ tầng cơ sở, y tế, văn hoá, giáo dục, tôn giáo và đất làm nhà ở cho nhân dân giao lâu dài.

Trong công tác hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong những năm qua được thực hiện đúng theo pháp luật, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và hộ gia đình. Nhà nước khuyến khích các hình thức thoả thuận đền bù với người có đất. Đối với những dự án không thoả thuận đền bù được, những công trình kiến trúc hạ tầng ...Nhà nước tổ chức đề lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND. Công tác giao, cho thuê, chuyển mục đích và thu hồi đất ở huyện được thực hiện nghiêm túc theo cơ chế "1 cửa" và Nghị định Chính phủ.

Đến hết năm 2020, toàn thành phố đã được giao và cho thuê cho các đối tượng quản lý, sử dụng cụ thể như sau:

a. Giao cho các đối tượng sử dụng 6.351,68 ha, chiếm 76,86 % diện tích tự nhiên, gồm:

- Hộ gia đình cá nhân trong nước: 4.160,01 ha, chiếm 50,34 % diện tích tự nhiên
- Tổ chức trong nước: 997,36 ha, chiếm 12,07 % diện tích tự nhiên
- Tổ chức sự nghiệp công lập : 961,8 ha, chiếm 11,64 % diện tích tự nhiên -

Tổ chức khác: 185,02 ha, chiếm 2,24 % diện tích tự nhiên

b. Giao cho các đối tượng quản lý 1.912,37 ha, chiếm 23,14% diện tích tự nhiên, gồm:

- UBND phường: 835,62 ha, chiếm 10,11 % diện tích tự nhiên
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác: 1076,77 ha, chiếm 13,03 % diện tích tự nhiên.

1.1.6. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

Việc xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính trên địa bàn thành phố được thực hiện tốt trên cơ sở kết quả hoạch định lại ranh giới theo Chỉ thị 364/CT. Ranh giới giữa thành phố và các thành phố giáp ranh đã được xác định bằng các yếu tố địa vật cố định hoặc mốc giới đã được chuyển vẽ lên bản đồ. Tuy nhiên, hiện nay thành phố đang trong quá trình thực hiện và hoàn thiện Bản đồ địa giới 513 theo Quyết định số 513/QĐ-TTg, ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hoàn thiện, hiện đại hoá hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương.

1.1.7. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Trong những năm qua, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đã được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời căn cứ vào Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 3/1/2020 đã sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đã đạt được kết quả khả quan, đảm bảo được quyền lợi của nhà nước cũng như chủ sử dụng đất.

1.1.8. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Trong những năm qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai đã được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện và đã đạt được hiệu quả. Thực hiện Kế hoạch số 118/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc triển khai thi hành Luật đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh, thành phố đã tập trung thực hiện đối với các nội dung: Tổ chức cá lớp tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai đến từng tổ chức, từng người dân trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến pháp luật Đai trên đài phát thanh địa phương; phát tờ rơi tuyên truyền chính sách pháp luật về đất đai; các cơ quan Báo, Đài phát thanh và Truyền hình thành phố đã có chuyên mục phổ biến Luật Đai đai; tổ chức tiếp dân đầy đủ, đúng ngày theo quy định, thông qua các buổi tiếp dân đã giải đáp thắc mắc và phổ biến chính sách pháp luật đất đai đến người dân.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

1.2.1. Những kết quả đạt được

Có thể thấy rằng, Trong những năm qua công tác quản lý đất đai của thành phố Bắc Ninh luôn được quan tâm và đạt được những kết quả quan trọng đối với từng nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Thành phố đã hình thành hệ thống quản lý và thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai ngày càng đi vào nề nếp tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý hiệu quả, chặt chẽ quỹ đất của địa phương trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

Công tác thanh tra, kiểm tra đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, đơn thư khiếu nại, tố cáo vi phạm trong sử dụng đất trên địa bàn thành phố luôn được xử lý kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật và được nhân dân đồng tình ủng hộ, số lượng đơn thư khiếu nại giảm.

Trong năm 2020 công tác quản lý tài nguyên (đất đai, nước, khoáng sản), đặc biệt là công tác GPMB thu hồi đất, thực hiện các dự án đất dân cư dịch vụ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố đã đạt được những kết quả tích cực. Khối lượng công việc lớn nhưng hầu hết các nhiệm vụ, kế hoạch đề ra từ đầu năm đều được triển khai thực hiện nghiêm túc; xử lý nhiều vi phạm pháp luật về đất đai, do đó tình trạng lấn đất, chiếm đất, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất có xu hướng giảm rõ rệt...;

1.2.2. Những tồn tại cần được khắc phục

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn thấp. Nguyên nhân chính là do các chủ đầu tư chưa đảm bảo các điều kiện để triển khai dự án theo quy định.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại một số địa phương giao trái thẩm quyền chậm. Nguyên nhân chính là do phải nộp thêm tiền theo quy định nên một số hộ dân chưa có nhu cầu đăng ký cấp GCN QSDĐ.

- Việc vi phạm đất đai tại một số phường vẫn còn xảy ra. Nguyên nhân chính là do công tác quản lý, xử lý vi phạm đất đai của một số phường chưa tập trung giải quyết triệt để.

- Việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số dự án chưa đạt tiến độ, nguyên nhân chính là nhân dân còn thắc mắc về giá BT, HT hoặc chưa bố trí nguồn vốn kịp thời;

- Một số trường hợp giải quyết đơn thư của công dân chưa đảm bảo thời gian. Nguyên nhân chính là do tính chất vụ việc phức tạp, có yếu tố nguồn gốc đất lâu đời, hồ sơ thất lạc,...;

- Việc thực hiện Kết luận sau thanh tra, kiểm tra của tỉnh gặp nhiều khó khăn trong công tác thực hiện cưỡng chế đối với các trường hợp vi phạm công trình xây dựng trên đất nông nghiệp từ khi chưa sáp nhập về thành phố.

- Các dự án DCDV trên địa bàn thành phố đã và đang thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức ghép lô và giao đất cơ bản xong. Tuy nhiên còn một số trường hợp chưa được duyệt giao đất do các hộ gia đình, cá nhân chưa thống nhất được việc ghép lô (do một số hộ gia đình vẫn cố tình không ghép lô làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan). Hiện nay, chưa có chế tài xử lý đối với trường hợp cố tình không ghép lô này.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Qua thực tiễn những ưu, khuyết điểm, những hạn chế và những bất cập của công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố trong thời gian qua, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để đưa công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai trên địa bàn đạt được kết quả tốt như sau:

- Phải tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, chính quyền và sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân tất cả vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chủ động, sáng tạo, tích cực triển khai thực hiện các chủ trương của cấp uỷ và Nghị quyết của HĐND trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành các cấp chính quyền địa phương phải kiên quyết, cụ thể, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh.

- Tất cả các cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý đất đai thành phố cần nắm vững Luật Đất đai, các Nghị định, Thông tư, các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành pháp luật đất đai, vì phần lớn năng lực cán bộ địa chính cấp phường còn hạn chế. Nếu nắm vững được Luật, các văn bản dưới Luật, chắc chắn sẽ giảm bớt những vấn đề làm sai Luật như đang diễn ra ở các góc độ và mức độ khác nhau như hiện nay.

- Cần xử lý nghiêm minh tình trạng cấp đất, giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền, thu tiền sử dụng đất sai quy định, tình trạng sử dụng đất, lãng phí, sai mục đích, lấn chiếm đất công.

- Các cấp, các ngành, đoàn thể cần đấu tranh kiên quyết đối với việc lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt đất công, đất rừng, đất do nhà nước quản lý; chuyển nhượng và xây cất nhà trái phép. Các cấp uỷ đảng, chính quyền kịp thời ngăn ngừa và kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, công chức có biểu hiện sa sút về đạo đức, phẩm chất, lối sống, có hành vi vi phạm pháp luật đất đai. Cần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Cần có chính sách thu hút đầu tư hợp lý đối với các ngành: Công nghiệp, xây dựng, hệ thống cơ sở hạ tầng.....cho phát triển kinh tế xã hội góp phần khai thác hiệu quả và hợp lý nguồn tài nguyên đất đai của địa phương.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020 cho thấy, Thành phố Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 8.264,05 ha, bao gồm:

- Đất nông nghiệp có 3.528,43 ha, chiếm 42,70 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp có 4.697,05 ha, chiếm 56,84 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng có 38,57 ha, chiếm 0,47 % tổng diện tích tự nhiên;

Chi tiết hiện trạng các loại đất được trình bày ở bảng 1; Cụ thể như sau:

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 thành phố Bắc Ninh

(Diện tích tính đến hết 31/12/2020)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		8264,05	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.528,43	42,70
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.866,54	34,69
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.786,65</i>	<i>33,72</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	83,92	1,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51,67	0,63
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	201,59	2,44
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	322,56	3,90
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,15	0,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.697,05	56,84
2.1	Đất quốc phòng	CQP	94,12	1,14
2.2	Đất an ninh	CAN	17,28	0,21
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	555,74	6,72
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	121,79	1,47
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	74,70	0,90
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	117,97	1,43
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp xã (phường)	DHT	1.758,71	21,28
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>62,92</i>	<i>0,76</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>31,57</i>	<i>0,38</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>158,67</i>	<i>1,92</i>

-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,63	0,27
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,05	0,00
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,83	0,01
-	Đất giao thông	DGT	1.169,43	14,15
-	Đất thủy lợi	DTL	290,08	3,51
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,18	0,04
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	11,78	0,14
-	Đất chợ	DCH	7,57	0,09
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,90	0,01
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,17	0,10
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.328,47	16,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	46,03	0,56
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,78	0,08
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28,88	0,35
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	87,05	1,05
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,44	0,25
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	88,03	1,07
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,32	0,20
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	197,04	2,38
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	116,65	1,41
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	11,98	0,14
3	Đất chưa sử dụng	CSD	38,57	0,47

2.1.1. Hiện trạng đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3528,43 ha, chiếm 42,7 % diện tích tự nhiên, trong đó:

1) Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 2866,54 ha, chiếm 34,69 % diện tích tự nhiên.

2) Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 83,92 ha, chiếm 1,02 % diện tích tự nhiên.

3) Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 51,67 ha, chiếm 0,63 % diện tích tự nhiên.

4) Đất rừng phòng hộ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 201,59 ha, chiếm 2,44 % diện tích tự nhiên.

5) Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 322,56 ha, chiếm 3,9 % diện tích tự nhiên.

6) Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 2,15 ha, chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên.

2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 4697,05 ha, chiếm 56,84 % diện tích tự nhiên.

1) Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 94,12 ha, chiếm 1,14 % diện tích tự nhiên.

2) Đất an ninh: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 17,28 ha, chiếm 0,21 % diện tích tự nhiên.

3) Đất khu công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 555,74 ha, chiếm 6,72 % diện tích tự nhiên.

4) Đất cụm công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 121,79 ha, chiếm 1,47 % diện tích tự nhiên.

5) Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 74,7 ha, chiếm 0,9 % diện tích tự nhiên.

6) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 117,97 ha, chiếm 1,43 % diện tích tự nhiên.

7) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (phường): Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1758,71 ha, chiếm 21,28 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở văn hóa: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 62,92 ha, chiếm 0,76 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở y tế: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 31,57 ha, chiếm 0,38 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 158,67 ha, chiếm 1,92 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở thể dục thể thao: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 22,63 ha, chiếm 0,27 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở khoa học và công nghệ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,05 ha, chiếm 0 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở dịch vụ xã hội: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,83 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên.

- Đất giao thông: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1169,43 ha, chiếm 14,15 % diện tích tự nhiên.

- Đất thủy lợi: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 290,08 ha, chiếm 3,51 % diện tích tự nhiên.

- Đất công trình năng lượng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3,18 ha, chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên.

- Đất công trình buru chính, viễn thông: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 11,78 ha, chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên.

- Đất chợ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 7,57 ha, chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên.

8) Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,9 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên.

9) Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 8,17 ha, chiếm 0,1 % diện tích tự nhiên.

10) Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1328,47 ha, chiếm 16,08 % diện tích tự nhiên.

11) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 46,03 ha, chiếm 0,56 % diện tích tự nhiên.

12) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 6,78 ha, chiếm 0,08 % diện tích tự nhiên.

13) Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 28,88 ha, chiếm 0,35 % diện tích tự nhiên.

14) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 87,05 ha, chiếm 1,05 % diện tích tự nhiên.

15) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 20,44 ha, chiếm 0,25 % diện tích tự nhiên.

16) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 88,03 ha, chiếm 1,07 % diện tích tự nhiên.

17) Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 16,32 ha, chiếm 0,2 % diện tích tự nhiên.

18) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 197,04 ha, chiếm 2,38 % diện tích tự nhiên.

19) Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 116,65 ha, chiếm 1,41 % diện tích tự nhiên.

20) Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 11,98 ha, chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên.

2.1.3. Hiện trạng đất chưa sử dụng:

Tổng diện tích đất chưa sử dụng của thành phố Bắc Ninh năm 2020 là 38,57 ha, chiếm 0,47 % diện tích tự nhiên.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Bắc Ninh năm 2020 là 8264,05 ha, không thay đổi với năm 2015 và tăng 3,17 ha so với năm 2010 (8260,88ha). Nguyên nhân có sự thay đổi giữa 2 kỳ 2020 và 2010 do một số yếu tố sau: Thứ nhất do thay đổi phương pháp kiểm kê đất đai của 2 thời kỳ 2019 và 2009. Nếu năm 2009 công tác

kiểm kê đất đai thực hiện theo phương pháp thủ công truyền thống, cộng dồn các diện tích biến động của các năm thì năm 2019 theo quy định của Bộ tài nguyên và Môi trường sẽ sử dụng phần mềm TK Destop và ưu tiên sử dụng nền bản đồ địa chính để thực hiện công tác kiểm kê đất đai mà bản đồ địa chính của thành phố đã được đo đạc chính xác địa giới hành chính, ranh giới thửa đất nên số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của thành phố có sự chính xác, đúng theo hiện trạng sử dụng đất của địa phương vì vậy dẫn đến sự biến động về diện tích tự nhiên của thành phố trong hai kỳ kiểm kê. Do đó, dẫn đến số liệu năm hiện trạng 2010 và 2020 sẽ có sự biến động như vậy. Thứ 2, do chỉ tiêu xác định một số loại đất giữa 2 kỳ kiểm kê 2009 và 2019 cũng khác nhau điều này cũng dẫn tới có sự chênh lệch về diện tích của các loại đất nhỏ bên trong diện tích tự nhiên của thành phố. Số liệu chi tiết

Bảng 2: Tình hình biến động sử dụng đất đai năm 2010-2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích HT 2020	Hiện trạng năm 2015		Hiện trạng 2010	
				Diện tích	So sánh	Diện tích	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)	(8)=(4)-(7)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		8.264,05	8.264,05		8.260,88	3,17
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.528,43	4.041,40	-512,97	3.913,04	-384,61
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.866,54	3.302,80	-436,26	3.208,97	-342,43
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	2.786,65	3.219,77	-433,12	3.102,52	-315,87
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	83,92	107,74	-23,82	79,86	4,06
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51,67	51,77	-0,10	51,03	0,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	201,59	220,02	-18,43	221,78	-20,19
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	322,56	357,88	-35,32	351,40	-28,84
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,15	1,19	0,96		2,15
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.697,05	4.180,79	516,26	4.291,88	405,17
2.1	Đất quốc phòng	CQP	94,12	85,91	8,21	88,38	5,74
2.2	Đất an ninh	CAN	17,28	11,40	5,88	6,82	10,46
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	555,74	380,33	175,41	537,17	18,57
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	121,79	101,04	20,75	90,20	31,59
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	74,70	77,39	-2,69	74,20	0,50
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	117,97	124,81	-6,84	112,30	5,67
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp xã (phường)	DHT	1.758,71	1.534,78	223,93	1.419,82	338,89
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,90	0,60	0,30	9,12	-8,22
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		5,16	-5,16		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,17	7,49	0,68	2,49	5,68

2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		284,38	-284,38	467,80	-467,80
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.328,47	985,33	343,14	953,42	375,05
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	46,03	39,30	6,73	49,46	-3,43
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,78	6,19	0,59	6,00	0,78
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28,88	24,01	4,87	21,44	7,44
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	87,05	85,46	1,59	96,06	-9,01
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,44	20,44	0,00	20,44	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		22,37	-22,37		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	88,03	68,78	19,25		88,03
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,32	15,98	0,34	7,35	8,97
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	197,04	200,27	-3,23	174,03	23,01
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	116,65	96,00	20,65	125,10	-8,45
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	11,98	2,99	8,99	3,79	8,19
3	Đất chưa sử dụng	CSD	38,57	41,85	-3,28	55,96	-17,39

2.2.1. Biến động đất đai so với năm 2010

2.2.2.1. *Đất nông nghiệp*: Hiện trạng năm 2020 là: 3.528,43 ha, giảm 384,61 ha so với năm 2010 (3.913,04 ha)

1) Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2020 là: 2.866,54 ha, giảm 342,43 ha so với năm 2010 (3.208,97 ha)

- Trong đó: Đất chuyên lúa nước: Hiện trạng năm 2020 là: 2.786,65 ha, giảm 315,87 ha so với năm 2010 (3.102,52 ha)

Diện tích đất trồng lúa giảm do thu hồi, chuyển mục đích sang các loại đất khác để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch.

2). Đất trồng cây hàng năm khác: Hiện trạng năm 2020 là: 83,92 ha, tăng 4,06 ha so với năm 2010 (79,86 ha)

3). Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2020 là: 51,67 ha, tăng 0,64 ha so với năm 2010 (51,03 ha)

4). Đất rừng phòng hộ: Hiện trạng năm 2020 là: 201,59 ha, giảm 20,19 ha so với năm 2010 (221,78 ha), nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế sử dụng.

5). Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng năm 2020 là: 322,56 ha, giảm 28,84 ha so với năm 2010 (351,4 ha)

6). Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2020 là: 2,15 ha, tăng 2,15 ha so với năm 2010 (0,00 ha), để thực hiện các dự án mô hình trang trại tổng hợp trên địa bàn thành phố.

2.2.2.2. *Đất phi nông nghiệp*: Hiện trạng năm 2020 là: 4.697,05 ha, tăng 405,17 ha so với năm 2010 (4.291,88 ha)

1). Đất quốc phòng: Hiện trạng năm 2020 là: 94,12 ha, tăng 5,74 ha so với năm 2010 (88,38 ha)

2). Đất an ninh: Hiện trạng năm 2020 là: 17,28 ha, tăng 10,46 ha so với năm 2010 (6,82 ha)

3). Đất khu công nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 555,74 ha, tăng 18,57 ha so với năm 2010 (537,17 ha), nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch.

4). Đất cụm công nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 121,79 ha, tăng 31,59 ha so với năm 2010 (90,2 ha), nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch.

5). Đất thương mại, dịch vụ: Hiện trạng năm 2020 là: 74,7 ha, tăng 0,5 ha so với năm 2010 (74,2 ha)

6). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 117,97 ha, tăng 5,67 ha so với năm 2010 (112,3 ha)

7). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (phường): Hiện trạng năm 2020 là: 1.758,71 ha, tăng 338,89 ha so với năm 2010 (1.419,82 ha)

7). Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Hiện trạng năm 2020 là: ,9 ha, giảm 8,22 ha so với năm 2010 (9,12 ha)

8). Đất bãi thải, xử lý chất thải: Hiện trạng năm 2020 là: 8,17 ha, tăng 5,68 ha so với năm 2010 (2,49 ha)

9). Đất ở tại đô thị: Hiện trạng năm 2020 là: 1.328,47 ha, tăng 375,05 ha so với năm 2010 (953,42 ha)

10). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Hiện trạng năm 2020 là: 46,03 ha, giảm 3,43 ha so với năm 2010 (49,46 ha)

11). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 6,78 ha, tăng 0,78 ha so với năm 2010 (6, ha)

12). Đất cơ sở tôn giáo: Hiện trạng năm 2020 là: 28,88 ha, tăng 7,44 ha so với năm 2010 (21,44 ha)

13). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Hiện trạng năm 2020 là: 87,05 ha, giảm 9,01 ha so với năm 2010 (96,06 ha)

14). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Hiện trạng năm 2020 là: 20,44 ha, không thay đổi so với năm 2010 (20,44 ha)

15). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Hiện trạng năm 2020 là: 88,03 ha, tăng 88,03 ha so với năm 2010 (0,00 ha)

16). Đất cơ sở tín ngưỡng: Hiện trạng năm 2020 là: 16,32 ha, tăng 8,97 ha so với năm 2010 (7,35 ha)

17). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Hiện trạng năm 2020 là: 197,04 ha, tăng 23,01 ha so với năm 2010 (174,03 ha)

18). Đất có mặt nước chuyên dùng: Hiện trạng năm 2020 là: 116,65 ha, giảm 8,45 ha so với năm 2010 (125,1 ha)

19). Đất phi nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2020 là: 11,98 ha, tăng 8,19 ha so với năm 2010 (3,79 ha)

2.2.2.3. *Đất chưa sử dụng*: Hiện trạng năm 2020 là: 38,57 ha, giảm 17,39 ha so với năm 2010 (55,96 ha)

2.2.2. Nguyên nhân biến động

Trong giai đoạn 2021-2020 quỹ đất của thành phố Bắc Ninh đã có nhiều biến động, sự biến động này do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có 2 nguyên nhân chính như sau:

- Do sự thay đổi của việc xác định một số loại đất đã được phê duyệt giai đoạn 2011 - 2015 (căn cứ theo quy định Luật đất đai 2003) khác với chỉ tiêu kiểm kê đất đai năm 2014, 2019 (căn cứ Luật đất đai 2013) nên dẫn tới việc tổng hợp, thông kê, kiểm kê các nhóm đất sẽ có sự khác biệt.

- Bên cạnh đó, trong giai đoạn vừa qua, trên địa bàn thành phố đã và đang diễn ra quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa mạnh mẽ, cùng với đó là gia tăng về dân số nên việc đầu tư cho xây dựng các công trình, dự án như đô thị, công nghiệp, thương mại, giao thông, văn hóa, thể thao, khu vui chơi giải trí.....vv ngày một gia tăng. Chính vì vậy đã làm cho quỹ đất trên địa bàn thành phố có sự biến động như vậy.

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

2.3.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội

- Sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn thành phố trong những năm qua cơ bản đi vào ổn định, coi trọng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích. Đã có những chính sách hợp lý để khuyến khích cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng, môi trường sinh thái ngày càng được cải thiện.

- Thực hiện giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển nhiều mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng đáng kể, đưa sản lượng lương thực có hạt bình quân mỗi năm đều tăng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân địa phương. Trong năm 2020, thành phố đã triển khai các thủ tục

cho thuê đất thực hiện dự án nông nghiệp ứng dụng cao tại phường Hòa Long với diện tích khoảng 6,2 ha điều này sẽ góp phần quan trọng trong hướng đi để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Diện tích đất lâm nghiệp hiện tại trên địa bàn là 201,59 ha chủ yếu là đất rừng phòng hộ, bao gồm cả việc trồng mới rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, góp phần giải quyết được vấn đề việc làm và cải thiện môi trường, chống xói mòn đất, nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng. Công tác bảo vệ và phát triển rừng thường xuyên được quan tâm, đã hoàn thành trồng 8,4ha rừng, trồng mới 23.000 cây phân tán điều này đã góp phần nâng cao độ che phủ rừng và bảo vệ, cải tạo đất.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp... đã tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 12,8%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

2.3.1.1. Hiệu quả môi trường

Nhìn chung, việc sử dụng đất của thành phố luôn đi đôi với vấn đề bảo vệ môi trường và thường xuyên được quan tâm chỉ đạo từ các cấp nên việc sử dụng đất, về cơ bản đáp ứng tốt các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nói chung, tài nguyên rừng được quản lý nghiêm ngặt đã góp phần tích cực trong công tác bảo vệ đất và bảo vệ môi trường tại địa phương.

Công tác bảo vệ môi trường được tăng cường, tập trung triển khai các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; tiếp tục phối hợp với Viện khoa học Thủy lợi, tổ chức BORDA Việt Nam và các đơn vị có liên quan tiến hành cải tạo để vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải làng nghề Khắc Niệm; phối hợp các sở, ngành của tỉnh để điều chỉnh, bổ sung các hạng mục Nhà máy xử lý nước thải làng nghề Phong Khê. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/9/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về Tăng cường công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố giai đoạn 2018-2022; 84/114 (=73,7%) khu phố đạt tiêu chí *khu dân cư sạch*; tập trung phân loại và thu gom rác theo giờ; hoàn thành 06/10 điểm trung chuyển rác thải, các điểm còn lại đang triển khai đầu tư xây dựng.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a. Cơ cấu sử dụng đất.

- Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020, diện tích đất nông nghiệp của thành phố chiếm tỷ trọng trung bình (chiếm 42,70 % tổng diện tích tự nhiên). Trong đất nông nghiệp, diện tích đất lúa chiếm 34,69 %).

- Đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất của thành phố (chiếm 56,84 % tổng diện tích tự nhiên). Trong đất phi nông nghiệp, diện tích cơ

cấu các nhóm đất chiếm tỷ trọng cao gồm: đất công nghiệp, đất sản xuất kinh doanh, đất giao thông, đất ở đô thị...

- Đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng trong những năm qua nhưng vẫn còn chiếm 0,47 % trong cơ cấu sử dụng đất.

b. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp: Thành phố đã cơ bản ổn định việc sử dụng đất cho nông hộ. Sản xuất nông nghiệp đang dần đi vào chiều sâu thông qua các giải pháp tích cực để tăng vụ sản xuất, tăng lượng nông sản hàng hoá phục vụ xuất khẩu. Cải tạo triệt để đất chưa sử dụng để làm tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp bị chu chuyển trong kỳ. Xu thế hướng tới mô hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, sản xuất hàng hoá đang được thành phố ưu tiên phát triển trong giai đoạn tiếp theo để phù hợp với mục đích nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá.

- Trong lĩnh vực phi nông nghiệp: Đất phi nông nghiệp của thành phố chiếm 56,84 % diện tích tự nhiên nhưng giá trị sản xuất, tổng cơ cấu kinh tế công nghiệp, dịch vụ, thương mại chiếm trên 90% trong cơ cấu kinh tế. Điều này cho thấy chủ trương của thành phố đó là tập trung cao độ cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mở rộng các hoạt động sản xuất công nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, làng nghề...thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh trên cơ sở tiềm năng thực tại của địa phương. Bên cạnh đó, hệ thống đất cho nhóm cơ sở hạ tầng như: Giao thông, văn hoá, y tế, giáo dục.....luôn được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cao chất lượng cũng góp phần quan trọng trong chiến lược thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

- Quỹ đất dành cho các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khu du lịch... của thành phố chưa được khai thác sử dụng hiệu quả, một số công trình, dự án đã được giao đất nhưng tiến độ triển khai còn chậm hoặc chưa được thực hiện, gây lãng phí trong sử dụng đất.

- Việc triển khai sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực còn gặp một số khó khăn do sự chồng chéo giữa các quy hoạch khác nhau: Quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội..., thiếu sự kết nối thông tin giữa các nhóm ngành trong quá trình thực hiện và triển khai.

- Công tác quản lý quỹ đất công ích của các phường còn chưa chặt chẽ.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại một số địa phương giao trái thẩm quyền chậm. Nguyên nhân chính là do phải nộp thêm tiền theo quy định nên một số hộ dân chưa có nhu cầu đăng ký cấp GCN QSDĐ.

- Việc vi phạm đất đai tại một số phường vẫn còn xảy ra. Nguyên nhân chính là do công tác quản lý, xử lý vi phạm đất đai của một số phường chưa tập trung giải quyết triệt để.

- Việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số dự án chưa đạt tiến độ, nguyên nhân chính là nhân dân còn thắc mắc về giá BT, HT hoặc chưa bố trí nguồn vốn kịp thời;

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, thành phố cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

- Bên cạnh việc chuyển mục đích đất nông nghiệp cho các nhu cầu công nghiệp, đô thị, dịch vụ.... trong quá trình phát triển, thành phố cần xây dựng quy hoạch ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phù hợp với tiềm năng đất đai của từng khu vực, thực hiện đầu tư thâm canh, sản xuất tập trung tạo ra sản phẩm hàng hóa, hình thành quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để nâng cao giá trị sản xuất và hiệu quả ngành nông nghiệp cho sự phát triển kinh tế của địa phương..

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tăng cường sức hút đầu tư phát triển kinh tế, đô thị bằng những chính sách hợp lý cũng như ưu tiên đầu tư vốn cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Xây dựng quy hoạch thống nhất trên địa bàn toàn thành phố, quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch đã được duyệt. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích.

- Tuyên truyền, cụ thể hóa các văn bản pháp luật đất đai của Nhà nước vào tình hình thực tế cho các địa phương, tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý đất đai cấp cơ sở.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011-2020

Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước 2011 - 2020 của thành phố đã được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố Bắc Ninh và được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Bắc Ninh.

Tính đến thời điểm hiện tại, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước với nhóm đất nông nghiệp đạt tỷ lệ 116,54 %, đất phi nông nghiệp đạt 89,70 % và đất chưa sử dụng đạt 0%. Số liệu chi tiết được thể hiện qua bảng dưới đây:

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của thành phố được thể hiện cụ thể tại bảng dưới đây:

Bảng 3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch SDD đến năm 2020 được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DTTN		8.264,05	8.264,05		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.027,76	3.528,43	500,67	116,54
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.549,31	2.866,54	317,23	112,44
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.549,31</i>	<i>2.786,65</i>	<i>237,34</i>	<i>109,31</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8,91	83,92	75,01	942,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,51	51,67	43,16	607,40
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	204,34	201,59	-2,75	98,66
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17,04		-17,04	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	239,65	322,56	82,91	134,59
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		2,15	2,15	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.236,28	4.697,05	-539,23	89,70
2.1	Đất quốc phòng	CQP	93,91	94,12	0,21	100,22
2.2	Đất an ninh	CAN	53,60	17,28	-36,32	32,24
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	432,00	555,74	123,74	128,64
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	122,35	121,79	-0,56	99,54
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	128,93	74,70	-54,23	57,94
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	145,72	117,97	-27,75	80,96
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp xã (phường)	DHT	1.839,24	1.758,71	-80,53	95,62
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,46	0,90	-8,56	9,52
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,16		-5,16	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	17,89	8,17	-9,72	45,67
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	384,87		-384,87	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.153,53	1.328,47	174,94	115,17
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	101,34	46,03	-55,31	45,42
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	11,19	6,78	-4,41	60,59
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	27,71	28,88	1,17	104,22
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	116,95	87,05	-29,90	74,44
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,44	20,44		100,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	60,01		-60,01	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	196,52	88,03	-108,49	44,79
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	21,14	16,32	-4,82	77,21
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	200,27	197,04	-3,23	98,39
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	89,33	116,65	27,32	130,59
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,73	11,98	7,25	253,28
3	Đất chưa sử dụng	CSD		38,57	38,57	

a- Đất nông nghiệp

Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất

nông nghiệp là 3.027,76 ha, kết quả thực hiện được 3.528,43 ha, đạt 116,54 %, cụ thể các loại đất:

1) Đất trồng lúa: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất trồng lúa là 2.549,31 ha, kết quả thực hiện được 2.866,54 ha, đạt 112,44 %.

2) Đất trồng cây hàng năm khác: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác là 8,91 ha, kết quả thực hiện được 83,92 ha, đạt 942,11 %.

3) Đất trồng cây lâu năm: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây lâu năm là 8,51 ha, kết quả thực hiện được 51,67 ha, đạt 607,4 %.

4) Đất rừng phòng hộ: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất rừng phòng hộ là 204,34 ha, kết quả thực hiện được 201,59 ha, đạt 98,66 %.

5) Đất rừng sản xuất: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất rừng sản xuất là 17,04 ha, kết quả không đạt chỉ tiêu quy hoạch.

6) Đất nuôi trồng thủy sản: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản là 239,65 ha, kết quả thực hiện được 322,56 ha, đạt 134,59 %.

b- Đất phi nông nghiệp

Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp là 5236,28 ha, kết quả thực hiện được 4697,05 ha, đạt 89,7 %. Cụ thể các loại đất như sau:

1) Đất quốc phòng: Kết quả thực hiện được 94,12 ha

2) Đất an ninh: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh là 53,6 ha, kết quả thực hiện được 17,28 ha, đạt 32,24 %.

3) Đất khu công nghiệp: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất khu công nghiệp là 432,00 ha, kết quả thực hiện được 555,74 ha, đạt 128,64 %.

4) Đất cụm công nghiệp: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất cụm công nghiệp là 122,35 ha, kết quả thực hiện được 121,79 ha, đạt 99,54 %.

5) Đất thương mại, dịch vụ: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất thương mại, dịch vụ là 128,93 ha, kết quả thực hiện được 74,7 ha, đạt 57,94 %.

6) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 145,72 ha, kết quả thực hiện được 117,97 ha, đạt 80,96 %.

7) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất phát triển hạ tầng

cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1839,24 ha, kết quả thực hiện được 1758,71 ha, đạt 95,62 %.

8) Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất có di tích lịch sử - văn hóa là 9,46 ha, kết quả thực hiện được 0,9 ha, đạt 9,52 %.

9) Đất danh lam thắng cảnh: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất danh lam thắng cảnh là 5,16 ha, kết quả không đạt chỉ tiêu quy hoạch.

10) Đất bãi thải, xử lý chất thải: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải là 17,89 ha, kết quả thực hiện được 8,17 ha, đạt 45,67 %.

11) Đất ở tại nông thôn: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất ở tại nông thôn là 384,87 ha, kết quả không đạt chỉ tiêu quy hoạch.

12) Đất ở tại đô thị: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất ở tại đô thị là 1153,53 ha, kết quả thực hiện được 1328,47 ha, đạt 115,17 %.

13) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan là 101,34 ha, kết quả thực hiện được 46,03 ha, đạt 45,42 %.

14) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 11,19 ha, kết quả thực hiện được 6,78 ha, đạt 60,59 %.

15) Đất cơ sở tôn giáo: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở tôn giáo là 27,71 ha, kết quả thực hiện được 28,88 ha, đạt 104,22 %.

16) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 116,95 ha, kết quả thực hiện được 87,05 ha, đạt 74,44 %.

17) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 20,44 ha, kết quả thực hiện được 20,44 ha, đạt 100 %.

18) Đất sinh hoạt cộng đồng: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất sinh hoạt cộng đồng là 60,01 ha, kết quả không đạt chỉ tiêu quy hoạch.

19) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 196,52 ha, kết quả thực hiện được 88,03 ha, đạt 44,79 %.

20) Đất cơ sở tín ngưỡng: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở tín ngưỡng là 21,14 ha, kết quả thực hiện được 16,32 ha, đạt 77,21 %.

21) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 200,27 ha, kết quả thực hiện được 197,04 ha, đạt 98,39 %.

22) Đất có mặt nước chuyên dùng: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất có mặt nước chuyên dùng là 89,33 ha, kết quả thực hiện được 116,65 ha, đạt 130,59 %.

23) Đất phi nông nghiệp khác: Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp khác là 4,73 ha, kết quả thực hiện được 11,98 ha, đạt 253,28 %.

c - Đất chưa sử dụng

Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, chỉ tiêu quy hoạch đất chưa sử dụng là 0 ha, kết quả thực hiện được 38,57 ha, không đạt quy hoạch đề ra.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

*** Kết quả**

Việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước trên địa bàn thành phố đã đạt được kết quả nhất định. Nhìn chung việc chuyển mục đích sử dụng đất đều bám sát vào chỉ tiêu quy hoạch được duyệt và theo đúng tiến độ đề ra. Thông qua quy hoạch sử dụng đất được duyệt, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả thể hiện ở các mặt sau:

(1). Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của thành phố đã được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt đã tạo cơ sở pháp lý cho tỉnh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2). Đảm bảo được tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp thành phố đến cấp phường.

(3). Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

(4). Chủ động dành quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị, công nghiệp, xã hội; các cơ sở sản xuất kinh doanh và khu dân cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an

ninh quốc phòng của địa phương.

(5). Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

*** Tồn tại**

Bên cạnh những công trình đã thực hiện đúng tiến độ quy hoạch đề ra, trong giai đoạn 2011-2020, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn thành phố vẫn còn một số công trình mặc dù đã có trong quy hoạch nhưng vẫn chưa được thực hiện, một số chỉ tiêu còn đạt tỷ lệ thực hiện thấp như Đất có di tích lịch sử - văn hóa 9,52%; Đất an ninh 32,24%; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 44,79 %. Nguyên nhân của điều này xuất phát từ các vấn đề chính sau:

(1). Thiếu nguồn vốn đầu tư là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước. Do đó, thành phố cần có nhiều hơn các chính sách thu hút đầu tư phù hợp để tạo điều kiện nâng cao tiềm lực kinh tế, sức đầu tư vào xây dựng các công trình trong kỳ kế hoạch, quy hoạch.

(2). Công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất của các phường, các ngành chưa phù hợp với thực tiễn của địa phương cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện **quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố trong giai đoạn trước**.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 – 2020, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện quy hoạch **thời kỳ 2021-2030** của thành phố như sau:

- Cần tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

- Cần tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai một cách sâu rộng trong nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của người dân khi tham gia lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, tạo điều kiện để người dân dễ dàng thực hiện quyền đăng ký chuyển mục đích sử dụng đối với các trường hợp phải xin phép nhà nước, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất.

- **Cần huy động, thu hút đầu tư và** sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế – xã hội của thành phố và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Cần rà soát, đánh giá từng dự án, công trình đang bị chậm tiến độ: Những công trình, dự án có tiềm năng thể thực hiện sớm thì tập trung nguồn lực để thực hiện ngay

không để kéo dài; Công trình, dự án không có khả năng thực hiện được thì điều chỉnh mốc thời gian, lộ trình thực hiện quy hoạch; những công trình, dự án không hợp lý về quy mô diện tích thì điều chỉnh quy mô; những quy hoạch bất hợp lý, không khả thi với tình hình thực tế và định hướng phát triển giai đoạn tới thì quyết định hủy bỏ và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc điều chỉnh, hủy bỏ quy hoạch đó.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Cần nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các sở, ngành và UBND thành phố, UBND các phường trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương.

- Phải có sự gắn kết đồng bộ hơn nữa giữa các loại quy hoạch, tránh chồng chéo quy hoạch. Phải xây dựng hệ thống giải pháp và các chương trình hành động cụ thể, chi tiết để triển khai thực hiện đúng theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã xây dựng.

- Cần có nhiều chính sách thu hút đầu tư hợp lý, hỗ trợ tối đa kể cả về thủ tục pháp lý và công tác giải phóng mặt bằng, giao đất cho các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn thành phố.

- Cần áp dụng công nghệ mới, phần mềm mới vào xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý, giám sát và triển khai công tác lập quy hoạch sử dụng đất đảm bảo thực hiện đúng, đủ và theo kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, sẽ giúp cho thành phố quản lý chặt chẽ công tác quy hoạch sử dụng đất theo đúng phương án đã được duyệt.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

Hầu hết đất nông nghiệp của thành phố đã được tưới tiêu chủ động và có chất lượng đất tương đối tốt nên có thể trồng trọt nhiều loại cây trồng khác nhau. Đây là tiềm năng để triển khai và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào phát triển sản xuất tại địa phương.

Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020, toàn thành phố còn 3.528,43 ha đất nông nghiệp, chiếm 42,70 % tổng diện tích tự nhiên, trong đó chủ yếu là nhóm đất trồng lúa (chiếm 34,69 %). Như vậy có thể thấy, với quỹ đất nông nghiệp còn khá nhiều sẽ là nguồn tiềm năng lớn ngoài việc để phát triển cho công nghiệp, đô thị, cơ sở hạ tầng, sẽ còn có tiềm năng để phát triển các mô hình quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

Định hướng phát triển nông nghiệp của thành phố trong những năm tiếp theo đó là: Tăng cường nghiên cứu, triển khai mô hình nông nghiệp đô thị, **nông nghiệp công nghệ cao** và các mô hình phù hợp, có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất; đầu tư hạ tầng, đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất, định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tạo điều kiện xúc tiến thương mại và tiêu thụ nông sản thực phẩm, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp.

4.2.1. Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát thương mại, dịch vụ, du lịch

- Tiềm năng hiện có: Giá trị sản xuất thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố đều tăng hàng năm. Các cơ sở thương mại lớn đã và đang được xây dựng như các trung tâm thương mại, siêu thị,.. bên cạnh đó các chợ truyền thống vẫn được duy trì sử dụng, tăng trưởng tốt về số lượng hàng hóa và khách mua. Các hoạt động dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, logistic cũng đang phát triển. Đây sẽ là điều kiện tiềm năng để tiếp tục phát triển và mở rộng lĩnh vực thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố trong giai đoạn tiếp theo.

- Du lịch: Bắc Ninh có nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, là vùng địa linh nhân kiệt, quê hương của Kinh Dương Vương, Lý Bát Đế, nơi hội tụ của kho tàng văn hóa nghệ thuật đặc sắc như nghệ thuật Quan họ. Nhiều cảnh quan tự nhiên đẹp như sông Cầu, sông Ngũ Thành phố Khê, núi sót. Đây là tiềm năng lớn để phát triển du lịch văn hóa, lễ hội, du lịch làng Việt cổ, du lịch sinh thái, thắng cảnh, di tích.

- **Tiềm năng phát triển trong tương lai: Thương mại - dịch vụ-du lịch của thành phố Bắc Ninh** sẽ có định hướng phát triển như sau: Phát triển kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng bền vững làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thu hút và nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công nghệ, viễn thông, điện lực, du lịch, vui chơi giải trí, đào tạo, chăm sóc sức khỏe. Bổ sung các trung tâm thương mại cấp vùng, cấp đô thị, cấp khu vực đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô đô thị và quy mô dân số gia tăng. Phát huy nguồn tài nguyên du lịch dồi dào trong quy hoạch, tiếp tục bảo tồn, cải tạo các di tích lịch sử, cảnh quan tự nhiên, hình thành các trung tâm du lịch mới, cải tạo, mở rộng quy mô các trung tâm du lịch hiện có. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch hiện có, tăng độ hấp dẫn cho các trung tâm du lịch. Liên kết các trung tâm du lịch trong khu quy hoạch, trong tỉnh, hình thành mạng lưới, tuyến du lịch kết nối các trọng điểm trong khu vực, trong vùng và kết nối với các trung tâm du lịch ngoài tỉnh. Phát triển

thành trung tâm du lịch văn hóa lớn của vùng đồng bằng sông Hồng, cả nước, có ý nghĩa quốc tế.

4.2.2. Tiềm năng phát triển các khu đô thị

Với lợi thế tiềm năng về đất đai, địa hình, địa chất, vị trí địa lý và mạng lưới cơ sở hạ tầng thuận lợi, thành phố Bắc Ninh sẽ có nhiều thuận lợi để phát triển các khu đô thị trên địa bàn nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế vượt trội cho địa phương.

Ngoài ra, Thành phố Bắc Ninh thuộc vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ và vùng thủ đô Hà Nội, là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của Vùng Thủ đô Hà Nội, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước, có ý nghĩa quốc tế; gắn kết với các hành lang kinh tế: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TPHCM - Mộc Bài và vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ. Bên cạnh đó, thành phố Bắc Ninh là đô thị hạt nhân của đô thị lõi Bắc Ninh, là quận trung tâm khi tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đảm bảo liên kết với các đô thị khác trong tỉnh và trong vùng Thủ đô, đi đầu trong xu thế phát triển chung. Vì vậy, thành phố Bắc Ninh sẽ có tiềm năng lớn để phát triển: đô thị, Công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại và kinh tế tri thức trong giai đoạn tới.

PHẦN III PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.1. Phương hướng phát triển

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tích cực thu hút đầu tư, phát huy tiềm năng thế mạnh, phấn đấu đưa thành phố Bắc Ninh trở thành đô thị loại I trực thuộc trung ương trong giai đoạn tới.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển ngành nghề trong nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá tập chung, ưu tiên các mô hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, có thị trường tiêu thụ và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp – xây dựng - dịch vụ, du lịch theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm. Đa dạng các loại hình dịch vụ có tiềm năng, lợi thế. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tổ chức quản lý và phát huy hiệu quả giá trị các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và các di sản văn hoá phi vật thể để phát triển du lịch; kết nối với các doanh nghiệp kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch tại một số di tích trọng điểm.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chăm lo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

- Tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nội chính, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030

1.1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tối đa lợi thế, vị thế đô thị trung tâm, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, tạo đột phá về phát triển không gian, hạ tầng đô thị, xây dựng thành phố Bắc Ninh văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hoá, thân thiện, an toàn, hội nhập quốc tế. Tiếp tục duy trì, giữ vững phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là phát triển thương mại – dịch vụ; tập trung đầu tư phát triển đô thị quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, tạo điểm nhấn kiến trúc đô thị không gian. Phát huy các giá trị văn hoá dân ca quan họ góp phần phát triển dịch vụ du lịch. Đẩy mạnh phát triển toàn diện giáo dục – đào tạo gắn với xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập; đảm bảo an sinh xã hội;

nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; bảo vệ môi trường sinh thái. Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế phù hợp gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và hệ thống chính trị; phát huy hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; xây dựng thành phố phát triển toàn diện, bền vững.

a. Các nhiệm vụ đột phá:

- Mở rộng không gian đô thị trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt.
- Tập trung đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ hiện đại.
- Phát triển thương mại dịch vụ, khu vui chơi giải trí gắn với phát triển các khu đô thị có quy mô lớn theo hướng đô thị sinh thái, nhiều tiện ích phục vụ công cộng.

b. Các nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, phấn đấu dẫn đầu toàn diện phong trào giáo dục toàn tỉnh.
- Hoàn chỉnh quy hoạch đô thị, thực hiện kỷ cương, trật tự đô thị, tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường.
- Hỗ trợ thành lập, phát triển doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Tích cực thực hiện cải cách hành chính gắn với phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số trong phát triển thương mại – dịch vụ.
- Đầu tư phát triển, tuyên truyền quảng bá giá trị lịch sử, truyền thống văn hoá, văn hoá vật thể và phi vật thể tạo điểm nhấn, ấn tượng mạnh về bản sắc văn hoá Kinh Bắc – Bắc Ninh, góp phần thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch, tăng cường sức hấp dẫn của đô thị trung tâm.
- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ Đảng phù hợp với yêu cầu phát triển trong tình hình mới, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

1.1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- (1). Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 8,8 – 9,5%, và đến năm 2030 đạt 10%. trong đó: Thương mại – dịch vụ tăng bình quân 10,3%; công nghiệp – xây dựng tăng 6,4%.
- (2). Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân trên đầu người đạt 10.700 USD.
- (3). Cơ cấu kinh tế: Thương mại – dịch vụ chiếm 58,5%; công nghiệp – xây dựng 40,9%, nông, lâm thuỷ sản 0,6%.
- (4). Giá trị sản xuất công nghiệp (so sánh giá 2010) đạt 163.300 tỷ đồng.
- (5). Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản (giá so sánh 2010) đạt 670,6 tỷ đồng.
- (6). Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 60.200 tỷ đồng

- (7). Thu ngân sách nhà nước hàng năm phấn đấu vượt chỉ tiêu tỉnh giao.
- (8). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt; chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom đạt 100%. Tỷ lệ khu dân cư sạch đạt 85%.
- (9). Tỷ lệ Tuyến phố văn minh đô thị đạt 90% và 15/19 phường đạt chuẩn văn minh đô thị.
- (10). Tỷ lệ khu phố đạt danh hiệu văn hoá đạt 85%, gia đình văn hoá đạt 90%, cơ quan văn hoá, công sở văn hoá đạt 90%.
- (11). Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II: Mầm non 90%, Tiểu học 93%, THCS 97%.
- (12). Duy trì 100% phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế và xây dựng thành phố Bắc Ninh không còn thực phẩm không an toàn.
- (13). Tỷ lệ người dân được quản lý sức khoẻ đạt 95%. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đạt 96%.
- (14). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 80%. Hàng năm giải quyết việc làm cho 5.000 lao động, tỷ lệ thất nghiệp thành thị duy trì mức 1,3%.
- (15). Đến năm 2030, thành phố Bắc Ninh không còn hộ nghèo.
- (16). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%.
- (17). Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương, hàng năm hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- (18). Xây dựng hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phấn đấu hàng năm có từ 85% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 85%.
- (19). Hàng năm có trên 85% tổ chức cơ sở của mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thành phố hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tỷ lệ tập hợp hội viên từ 88% trở lên; tỷ lệ tập hợp thanh niên vào tổ chức đoàn từ 59,5% trở lên.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

Đất đai nằm trong nhóm tài nguyên hạn chế nhưng lại là điều kiện không thể thiếu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy việc sử dụng tốt tài nguyên đất đai không chỉ quyết định tương lai của nền kinh tế mà còn là sự đảm bảo cho mục tiêu ổn định chính trị và củng cố an ninh quốc phòng. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng, kéo theo giá trị của đất tăng lên và yêu cầu về biện pháp sử dụng, khai thác phải đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Do vậy định hướng sử dụng đất của thành phố Bắc Ninh trong giai đoạn tới phải đảm bảo sử dụng đất tiết

kiệm, hợp lý, đầy đủ và có hiệu quả cao trên quan điểm cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Diện tích tự nhiên của Thành phố có hạn, trong khi yêu cầu phát triển lại ngày càng cao, đất đai trở thành tài nguyên quý giá, việc sử dụng đất sao cho đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả là mục tiêu được đặt ra. Do vậy khai thác sử dụng đất phải kết hợp giữa cải tạo và xây dựng mới, đồng thời phải đảm bảo tốt các điều kiện bảo vệ đất canh tác nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường dựa trên quan điểm triệt để, tiết kiệm, hợp lý và bồi bổ đất. Trên cơ sở những nét đặc trưng về điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng và sử dụng đất trong những năm gần đây,... để góp phần khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai Thành phố, phục vụ đắc lực quá trình phát triển kinh tế xã hội, các quan điểm về sử dụng đất sau đây cần phải được nhận thức rõ, thực hiện thống nhất và đầy đủ:

- Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội, nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế mũi nhọn (thương mại dịch vụ du lịch), thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân.

- Khai thác triệt để, sử dụng có hiệu quả toàn bộ quỹ đất đai vào các mục đích cụ thể của nền kinh tế, không được lãng phí đất. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật; lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, thương mại, du lịch... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang xây dựng đô thị qua các thời kỳ.

- Duy trì ổn định diện tích đất rừng, hạn chế tối đa việc chuyển sang các mục đích khác, đầu tư thỏa đáng cho công tác khoanh nuôi, trồng rừng kết hợp với trồng cây nông nghiệp lâu năm để đạt tỷ lệ tán che cao nhất. Từng bước hình thành các khu du lịch sinh thái, công viên cây xanh theo hướng khai thác tổng hợp, đồng thời hình thành những vành đai cây xanh đủ lớn, bao quanh Thành phố kết hợp với các mảng cây xanh đô thị khác... nhằm điều tiết môi trường khí hậu và tăng vẻ đẹp cảnh quan cho Thành phố.

- Trong việc cải tạo và xây dựng, phải triệt để khai thác tiềm năng sẵn có về mặt kiến trúc, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội mà quá trình hình thành và phát triển của Thành phố đã tạo nên. Trong nông nghiệp, do diện tích sẽ bị giảm để chuyển sang các mục đích khác, phải cố gắng áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng, đảm bảo giữ nguyên hoặc tăng thêm giá trị của ngành nông nghiệp.

- Trong cơ cấu sử dụng đất chung, cần dành một tỷ lệ thích đáng và hợp lý cho các mục đích chuyên dùng, ưu tiên phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch,... vừa để thực hiện chuyên đổi cơ cấu nền kinh tế, tăng cường về cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, vừa tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực hiệu quả và ổn định. Mở rộng diện tích đô thị hóa ra vùng ven một cách trật tự, có chuẩn bị đầy đủ về cơ sở hạ tầng, được kiểm soát chặt chẽ theo quy hoạch và tổ chức lãnh thổ hợp lý. Song song với quá trình phân tán dân cư ra bên ngoài sẽ tập trung chỉnh trang khu trung tâm theo yêu cầu một Thành phố hiện đại, có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện cùng các hoạt động kinh tế - xã hội và dịch vụ đô thị văn minh.

- Sử dụng đất chuyên dùng, đất ở cần triệt để tiết kiệm, bố trí sử dụng các loại đất này vừa căn cứ vào điều kiện thực tế và các yêu cầu trước mắt, vừa phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển về lâu dài theo xu hướng tăng dần các tiêu chuẩn về chất lượng môi trường và nâng cao mức sống của nhân dân. Việc tận dụng không gian, phát triển chiều cao của các tòa nhà, khu dân cư, các trung tâm giao dịch hành chính, thương mại, văn hóa... sẽ tạo ra các khoảng không cần thiết trong các khu vực nội thị, đáp ứng nhu cầu phát triển **công viên**, vườn hoa, khu giao thông tĩnh, bến bãi đậu xe và sân chơi **cho người dân thành phố**.

- Gắn khai thác sử dụng với nhiệm vụ bồi dưỡng tái tạo, làm tăng độ phì cho đất... chống suy thoái đất, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm sử dụng đất bền vững lâu dài. Ngoài ra việc khai thác sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp hài hòa với nhiệm vụ quốc phòng an ninh, đảm bảo đất cho quốc phòng, an ninh (khu căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, trụ sở công an, dân quân tự vệ), giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, thực trạng, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố Bắc Ninh đến năm 2030; trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng đô thị của Thành phố và quy hoạch chi tiết xây dựng của các phường đến năm 2030 đã được phê duyệt (hoặc điều chỉnh), quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đến năm 2030, quy hoạch phát triển dài hạn của các ngành và định mức sử dụng đất cho một số lĩnh vực... đồng thời quán triệt hệ thống các quan điểm khai thác sử dụng đất đã trình bày ở trên. Định hướng sử dụng đất cho giai đoạn 2021- 2030 và xa hơn được xác định cụ thể như sau:

1.3.1. Định hướng sử dụng đất Nông - Lâm - Thủy Sản

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hóa trên cơ sở ưu tiên cho mục đích xây dựng đô thị; chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp: đất chuyên dùng, xây dựng các khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

phát triển dịch vụ thương mại, du lịch; xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí đất ở giãn dân, tái định cư và các mục đích cần thiết khác,... tất yếu đất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố sẽ ngày càng bị thu hẹp diện tích. Vì vậy việc khai thác sử dụng quỹ đất nông nghiệp của Thành phố trong những năm sắp tới cần được nghiên cứu sử dụng theo hướng phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, sinh thái bền vững, phù hợp với điều kiện thực tế theo hướng đa dạng hóa cây trồng gắn với yếu tố thị trường, bảo vệ môi trường xanh sạch; tiến hành áp dụng các biện pháp kỹ thuật, đầu tư thâm canh tăng vụ, nâng cao hệ số sử dụng đất nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích canh tác; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong mối quan hệ liên kết chặt chẽ với nông nghiệp của các thành phố thị khác trong tỉnh, trong đó:

- Phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Cơ cấu lại các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; xây dựng và phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng cường cơ giới hoá trong tất cả các khâu sản xuất nông nghiệp.

- Đến năm 2030, sau khi chuyển một phần diện tích đất phục vụ nhu cầu xây dựng và phát triển đô thị, quỹ đất nông nghiệp còn lại khoảng 811,20 ha sẽ tiếp tục được bố trí sử dụng vào các mục đích:

- Duy trì ổn định diện tích đất trồng lúa khoảng 226,92 ha;
- Bảo vệ quỹ đất lâm nghiệp 191,77 ha;
- Phục vụ nuôi trồng thủy sản khoảng 283,28 ha;
- Phần diện tích còn lại chuyển đổi sang các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, mô hình trồng hoa, cây cảnh và rau màu thực phẩm để phát triển nền **nông nghiệp đô thị hiện đại**.

1.3.2. Định hướng sử dụng đất phát triển mạng lưới dịch vụ, thương mại, công nghiệp, du lịch

a. Thương mại dịch vụ:

Đẩy mạnh phát triển thương mại dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người dân; tập trung các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; thúc đẩy hình thành các trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm quy mô lớn, thí điểm khu phố đêm, kinh tế đêm trên địa bàn **thành phố**.

Xác định thương mại dịch vụ là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu kinh tế, phát triển thành phố xứng tầm là trung tâm thương mại của tỉnh. Tiếp tục thực hiện việc thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, đặc biệt là các hạ tầng có quy mô lớn, tính chất cấp vùng và khu vực song song với việc cải tạo,

nâng cấp hệ thống hạ tầng hiện có. Đẩy mạnh đầu tư các khu khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ, các khu công viên, khu vui chơi giải trí, khu thể thao, giáo dục đào tạo, dịch vụ du lịch cao cấp, dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như Logistic, tài chính, ngân hàng...vv.

b. Du lịch:

Xây dựng và hình thành các sản phẩm du lịch văn hoá tâm linh, lễ hội, sinh thái gắn với di tích lịch sử, điểm du lịch như: di tích Văn Miếu Bắc Ninh, Làng Diêm và Đền Bà Chúa Kho, quần thể di tích Chùa Dạm...vv phát triển du lịch thành phố Bắc Ninh phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh. Kết nối du lịch thành phố với các tour du lịch của tỉnh, khu vực như Đền Đô – Phật Tích – Chùa Dạm – Đền Bà Chúa Kho; khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế nhưng vẫn đảm bảo được môi trường sinh thái, an ninh trật tự, gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc.

c. Công nghiệp:

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển các khu, cụm công nghiệp theo hướng chiều sâu và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động gắn với hình thành mạng lưới đô thị và phân bổ các điểm dân cư tập chung. Từng bước chuyển đổi chức năng các cụm công nghiệp sang thương mại, dịch vụ, Logistics (Phong Khê, Khắc Niệm) và di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

Đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khuyến khích tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến công nghệ cao trình độ sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu. Đối với các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp truyền thống định hướng đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến.

1.3.3. Định hướng phát triển đô thị

a. Khu vực hiện hữu:

- **Thành phố là trung** tâm hành chính, chính trị của tỉnh Bắc Ninh; trung tâm cấp vùng về thương mại - dịch vụ - tài chính - công sở.

- Cải tạo, nâng cấp các trung tâm hành chính, công cộng, thương mại, dịch vụ; di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp ra bên ngoài; bổ sung hoàn thiện, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo đạt tiêu chuẩn đô thị loại I; cải tạo, chỉnh trang cảnh quan đô thị, chỉnh trang kiến trúc các khu dân cư và làng xóm đô thị hóa trong quá trình mở rộng đô thị.

- Bảo tồn các di sản lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể; bảo tồn các không gian làng truyền thống và bộ khung thiên nhiên các triền sông, núi Sốt là những yếu tố quan trọng làm nên sự khác biệt của đô thị Bắc Ninh: Bảo tồn tự nhiên và di sản quanh khu vực núi Dạm, núi Sốt; bảo tồn tự nhiên và di sản làng Quan họ, sông Ngũ Thành phố Khê.



Hình 13: Định hướng phát triển không gian thành phố

b. Khu vực phát triển mới:

Khu đô thị mới Tây Bắc

- Nằm giữa đường sắt Hà Nội –Lạng Sơn và sông Cầu
- Diện tích 1.107 ha, dân số đến năm 2030 là 66.400 người
- Hiện tại phần lớn là đất nông nghiệp và làng mạc hiện hữu, một số dự án khu đô thị đang trong giai đoạn xây dựng hạ tầng.
- Phát triển mới khu vực đô thị Tây Bắc với trung tâm là trung tâm hành chính mới thành phố Bắc Ninh, các trung tâm thương mại-dịch vụ cấp đô thị.

Khu đô thị mới phía Tây

- Nằm giữa đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, thành cổ Bắc Ninh, CT quốc lộ 18, ranh giới với thành phố Yên Phong.

- Diện tích 914 ha, dân số đến năm 2030 là 61.800 người

- Hiện tại phần lớn là đất nông nghiệp và làng mạc hiện hữu, đã có quy hoạch một số dự án xây dựng khu đô thị mới.

- Phát triển mới khu vực đô thị phía Tây với trung tâm là trục đường H, xây dựng mới trung tâm thương mại - dịch vụ cấp Vùng Thủ đô.



Hình 14: Sơ đồ 3 khu vực phát triển đô thị

- Phát triển các khu đô thị mới như: Tây Bắc, Đông Nam, khu đô thị Nam Sơn – Hạp Lĩnh, khu đô thị Vân Dương, Phong Khê, Phúc Ninh.....vv

1.3.4. Định hướng sử dụng đất cho mạng lưới kết cấu hạ tầng.

a. Định hướng giao thông:

Lấy giao thông đường bộ là phương thức chủ đạo phục vụ các mục tiêu thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế đột phá của thành phố Bắc Ninh trong giai đoạn tới. Từng bước xây dựng hệ thống giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại; Đảm bảo liên kết hợp lý giữa hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại, giữa các vùng tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn đáp ứng được nhu cầu vận tải hàng hoá và hành khách với chất lượng ngày càng cao.

* *Đường bộ:* Hình thành các trục giao thông chủ đạo, gồm các đường giao thông quốc gia, đường tỉnh và các trục đường liên kết các khu vực đô thị:

+ Trục liên kết vùng: CT quốc lộ 1, cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Quảng Ninh, quốc lộ 18 cũ, cao tốc quốc lộ 3, đường vành đai 4, đường tỉnh 295B,...

+ Trục liên kết đô thị: CT quốc lộ 1, quốc lộ 18 cũ, vành đai 4, đường tỉnh 295B, đường tỉnh 295C,...

+ Trục liên kết khu vực: đường tỉnh 295C,...

+ Trục đường H.

+ Quy hoạch các bãi đỗ xe

+ Xây dựng nút giao Tây Nam và mạng lưới hệ thống giao thông các cấp trong và ngoài các khu đô thị thành phố...vv.

* *Đường sắt:* Giữ nguyên, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường sắt trên địa bàn thành phố theo quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải.

* *Đường thủy:* Nạo vét, khai thông dòng chảy và tăng cường khai thác sông Cầu, và sông Ngũ Huyện Khê. Xây dựng hệ thống cảng vận tải hàng hóa, hành khách và phục vụ du lịch.

* *Các tuyến xe buýt công cộng:* (1) Tuyến Bắc Ninh - Tiên Du - Từ Sơn - Hà Nội (tuyến làn riêng BRT); (2) tuyến Bắc Ninh - Nam Sơn - Hồ; (3) tuyến Chờ - Bắc Ninh - Phố Mới - Hồ - Gia Bình - Lương Tài và một số tuyến mới.

b. Định hướng quy hoạch cấp nước.

- Chỉ tiêu cấp nước: Đến năm 2030 là 180 lít/người ngày đêm, tỷ lệ cấp nước 100%.

- Các công trình cấp nước: Xây mới hoặc mở rộng nâng cấp công suất các nhà máy nước hiện có, cụ thể:

+ Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (nước mặt sông Cầu) đến năm 2030 công suất khoảng 35.000 m³/ngày đêm.

+ Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (nước mặt sông Đuống) công suất đến năm 2030 công suất khoảng 100.000 m³/ngày đêm.

+ Nhà máy nước mặt Tri Phương (nước mặt sông Đuống) công suất đến năm 2030 công suất khoảng 20.000 m³/ngày đêm.

- Mạng lưới đường ống:

+ Sử dụng mạng vòng và nhánh cụt, đảm bảo an toàn cấp nước. Cải tạo nâng cấp xây mới mạng lưới đường ống, các trạm bơm tăng áp, các công trình phụ trợ. Đường ống truyền tải đường kính DN 150 đến DN 600; đường ống phân phối có đường kính từ DN 50 đến DN 110.

c. Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.

- Nguồn điện: Hệ thống điện Quốc gia và các trạm biến áp 220 kv Bắc Ninh.

- Lưới điện:

+ Lưới điện cao thế: 500 kv, 220 kv, 110 kv theo quy hoạch ngành điện của Bộ Công Thương. Ngoài ra điều chỉnh một số hướng tuyến 110 kv đi trong khu vực được định hướng là trung tâm đô thị ra ngoài đô thị.

+ Lưới điện trung thế: Sử dụng hai cấp điện áp là 22 kv và 35 kv.

+ Lưới điện hạ thế: Sử dụng cấp điện áp 380/220 V; lưới điện xây mới và cải tạo trong phạm vi đô thị,... đi ngầm; lưới điện khu vực ngoài đô thị, chưa ổn định đi nổi.

- Trạm biến áp: Xây mới, nâng cấp các trạm biến áp 220 kv và các trạm biến áp 110 kv.

- Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị theo tiêu chuẩn quy định, ứng dụng điều khiển tự động và bán tự động hệ thống đèn đường.

- Tại các điểm nhân kiến trúc đô thị thiết kế chiếu sáng cảnh quan.

d. Định hướng quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Chỉ tiêu thu gom xử lý nước thải đến năm 2030 của thành phố Bắc Ninh tính bằng 90% tiêu chuẩn cấp nước.

- Tổng lưu lượng nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt đến năm 2030 khoảng 198.000 m³/ngày đêm.

+ Nước thải công nghiệp đến năm 2030 khoảng: 48.000 m³/ngày đêm.

- Hệ thống thoát nước:

+ Các khu vực đô thị mới, khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng; đối với các khu vực dân cư hiện trạng đang sử dụng hệ thống thoát nước chung sẽ tiến tới chuyển đổi sang thoát nước riêng.

- Các công trình xử lý nước thải: Nhà máy xử lý nước thải đến năm 2030 công suất dự kiến 50.000 m³/ngày đêm.

e. Định hướng Y tế:

Tăng cường đầu tư hoàn thiện đồng bộ năng lực hệ thống y tế từ cấp thành phố đến cấp phường, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng dân cư; đủ năng lực thực hiện sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh- thực hiện nâng cao chất lượng dân số; thực hiện giám sát và kiểm soát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; giải quyết các vấn đề về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; phòng chống có hiệu quả các bệnh xã hội.

Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho y tế, cho các cơ sở y tế theo tuyến và một số trang thiết bị hiện đại, chuyên sâu. Tăng cường quản lý, thúc đẩy xã hội hoá, hợp tác, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển, tăng cường cơ chế tự chủ của đơn vị y tế công lập, khuyến khích các liên kết các dịch vụ kỹ thuật cao về y tế.

Trong giai đoạn 2021-2030 thành phố sẽ có định hướng quy hoạch một số công trình y tế quan trọng như: Bệnh viện bạch mai chi nhánh Bắc Ninh, trung tâm chăm sóc sức khỏe khu vực phía bắc bệnh viện phụ sản trung ương, bệnh viện đa khoa thành phố, bệnh viện y học cổ truyền và một số công trình y tế khác....vv

d. Định hướng giáo dục - đào tạo

Tập chung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội và thích nghi với yêu cầu cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung vào 3 khâu đột phá: Đổi mới công tác quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và đổi mới phương pháp giáo dục, dạy học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học. Xây dựng môi trường giáo dục đảm bảo an ninh an toàn và thân thiện.

Huy động mọi nguồn lực cho giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất trường học, phấn đấu sửa chữa, xây mới 300 phòng lớp hiện đại; duy trì 100% trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức 1. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên theo hướng chuẩn hoá, phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn: Mầm non, THCS 100%, Tiểu học 97%, THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Tạo cơ chế chính sách thuận lợi thu hút đầu tư xây dựng trường học mới theo hướng hiện đại, chất lượng cao.

Trong giai đoạn 2021-2030 thành phố sẽ có định hướng quy hoạch một số công trình giáo dục quan trọng như: Quy hoạch làng đại học, khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, Trường cao đẳng y dược Bắc Ninh, Trung tâm đào tạo và phát triển kỹ năng học sinh sinh viên.... và nhiều công trình giáo dục các cấp khác trên địa bàn thành phố.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế được dự báo dựa trên cơ sở của điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 (phê duyệt tại quyết định 558 /QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ) và Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Bắc Ninh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2021-2025. Chi tiết một số chỉ tiêu phát triển kinh tế của thành phố như sau:

Bảng 4: Dự báo một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021-2025	2030
I	Về kinh tế			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh năm 2010)	%	8,8-9,5	9,5 - 10
2	Cơ cấu GTSX (%)			
	- Nông, lâm, thủy sản	%	0,6	0,3
	- Công nghiệp, xây dựng	%	40,9	41
	- Dịch vụ	%	58,5	58,7
3	Thu nhập bình quân trên đầu người	USD	10.731	13.500
II	Về xã hội			
1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	85	90- 95
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,2	0,5
III	Về Môi trường			
1	Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải y tế được xử lý	%	100	100
2	Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch	%	100	100
3	Thu gom chất thải rắn đô thị	%	100	100

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Định hướng giai đoạn 2021- 2030, thành phố Bắc Ninh sẽ có nền kinh tế tăng trưởng bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ; tạo sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn như sau:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt mức từ 8,8-9,5% vào năm 2025 và đạt mức 9,5 – 10% vào năm 2030.

- Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành được chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, thương mại và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Theo đó đến năm 2025 dự kiến cơ cấu kinh tế của thành phố như sau: nông, lâm, thủy sản 0,6%; công nghiệp - xây dựng 40,9%; dịch vụ 58,5%. Đến năm 2030 tỷ lệ cơ cấu nông, lâm, thủy sản 03%; công nghiệp - xây dựng 41%; dịch vụ 58,7%.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

2.1.2.1. Về nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Cơ cấu lại các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, xây dựng và phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Phần đầu giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản đến năm 2025 ước đạt 670,6 tỷ đồng. Tỷ trọng ngành nông – lâm – thủy sản trong cơ cấu kinh tế chiếm 0,6%.

Đẩy mạnh đổi mới các hình thức sản xuất nông nghiệp, coi phát triển nông nghiệp hiệu quả cao là trọng tâm, ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường là khâu đột phá. Phát triển nông nghiệp đô thị, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường, thúc đẩy các sản phẩm theo lợi thế và nhu cầu thị trường như: Trồng hoa, rau màu chất lượng cao.

2.1.2.2. Về công nghiệp, xây dựng, tiểu thủ công nghiệp

Thực hiện việc thu hút các dự án đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo hướng ưu tiên các dự án sử dụng ít đất, suất đầu tư cao, đóng góp ngân sách cao và hàm lượng công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường; sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường và phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp và xây dựng giai đoạn 2021-2025 tăng 6,4%/năm và chiếm 40,9% cơ cấu kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng năm 2025 ước đạt 175.069,4 tỷ đồng.

Phát triển cá khu, cụm công nghiệp theo chiều sâu và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động gắn với hình thành mạng lưới đô thị và phân bổ các điểm dân cư tập chung; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh quốc phòng. Từng bước chuyển đổi chức năng các cụm công nghiệp sang thương mại, dịch vụ, Logistics và di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

2.1.2.3. Về thương mại, dịch vụ

Xác định thương mại – dịch vụ là lĩnh vực mũi nhọn, chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu kinh tế, phát triển thành phố xứng tầm là trung tâm thương mại của tỉnh Bắc Ninh. Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ của thành phố giai đoạn 2021-2025 tăng 10,3%. Tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đạt mức 58,5%. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 60.194,4 tỷ đồng.

Tiếp tục thực hiện thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, đặc biệt là các hạ tầng có quy mô, tính chất cấp vùng và khu vực song song với việc cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng hiện có. Đẩy nhanh việc thực hiện đầu tư khu đô thị, khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ, các khu công viên, khu vui chơi giải trí, khu thể thao, giáo dục đào tạo, y tế, khu nhà ở, dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch cao cấp.....

Chú trọng khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ cao cấp, có giá trị cao như: đào tạo nguồn nhân lực, chăm sóc sức khoẻ, khách sạn, giao thông vận tải....Tiếp tục nâng

cao chất lượng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ để đáp ứng nhu cầu sản xuất, đô thị hoá và đời sống. Phát triển dịch vụ đào tạo và coi đây là một lĩnh vực đột phá và trọng điểm của thành phố gắn với xây dựng khu nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Tạo điều kiện phát triển các dịch vụ vận tải, nhất là dịch vụ trung chuyển.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất (quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho thành phố).

Hiện nay quy hoạch tỉnh Bắc Ninh đang trong quá trình lập và hoàn thiện, nên chưa có chỉ tiêu phân khai cấp tỉnh đối với thành phố. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, thành phố sẽ tiếp tục cập nhật chỉnh sửa theo các chỉ tiêu phân bổ để phù hợp và đồng bộ với quy hoạch cấp tỉnh Bắc Ninh.

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch của thành phố Bắc Ninh đã được các ngành dựa trên nguồn lực hiện có, nguồn lực đầu tư công trung hạn và các nguồn lực khác đảm bảo sự phát triển nền kinh tế xã hội thành phố đến năm 2030.

Căn cứ vào đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định 1369/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 17/10/2018 với tầm nhìn thành phố Bắc Ninh trở thành đô thị loại I trực thuộc trung ương, cùng với đó định hướng phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và nhu cầu đăng ký của các cơ quan tổ chức có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn thành phố, đặc biệt là nhu cầu phát triển đô thị như: khu đô thị Tây Bắc, Him Lam, Đông An, Phong Khê...vv thì nhu cầu sử dụng đất của thành phố Bắc Ninh trong giai đoạn 10 năm được tổng hợp như sau:

** Nhu cầu sử dụng đất cho ngành nông nghiệp:*

Đối với nhóm đất nông nghiệp, ngoài việc giảm diện tích đất sang mục đích phi nông nghiệp để phục vụ quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá trong quá trình phát triển để đáp ứng các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên, đối với thành phố Bắc Ninh, ngành nông nghiệp vẫn có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, đặc biệt là trong nhiệm vụ giải quyết nhu cầu lương thực, thực phẩm trong giai đoạn hiện tại và tương lai. Do vậy, trong giai đoạn tới ngành nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hàng hoá tập trung, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp cao, bền vững với môi trường. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Trong đó nhu cầu diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 như sau:

- Đất trồng lúa 226,92 ha;

- + Trong đó: Đất chuyên lúa nước 179,81 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 61,64 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 45,44 ha;
- Đất rừng phòng hộ 191,77 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 283,28 ha;
- Đất nông nghiệp khác 2,15 ha;

** Nhu cầu sử dụng đất cho ngành công nghiệp -tiểu thủ công nghiệp*

Đối với thành phố Bắc Ninh, là nơi có nhiều lợi thế cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Ngoài ra, thành phố cũng trú trọng đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, nhằm tạo điều kiện thu hút, phát triển các ngành nghề truyền thống, để dần dần tiến tới phát triển thành các khu tiểu thủ công nghiệp, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Nhu cầu sử dụng đất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của thành phố dự kiến như sau:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 117,46 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 35,19 ha;

** Nhu cầu sử dụng đất cho ngành thương mại, dịch vụ*

Với thành phố Bắc Ninh, thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực không những đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần giải quyết một khối lượng lớn việc làm cho người dân, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tăng tích lũy cho ngân sách của thành phố. Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch là đòn bẩy để phát triển sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, trong đó:

- Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 là 307,32 ha. Đây là diện tích đất để phát triển hệ thống các cửa hàng, khu thương mại, dịch vụ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, doanh nghiệp,....

- Diện tích đất chợ đến năm 2030 là 20,44 ha. Đây là diện tích để phát triển mạng lưới giao thương buôn bán của người dân trên địa bàn thành phố.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và cơ cấu sử dụng đất các loại đất đến năm 2030 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 05: Tổng hợp diện tích và cơ cấu sử dụng đất quy hoạch sử dụng đất năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	Quy hoạch sử dụng đất năm 2030		
				Diện tích (ha)	Biến động Tăng + giảm -	Cơ cấu %
	TỔNG DTTN (1+2+3)		8264,05	8264,05		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.528,43	811,20	-2717,23	9,82
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2866,54	226,92	-2639,62	2,75
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.786,65</i>	<i>179,81</i>	<i>-2606,84</i>	<i>2,18</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	83,92	61,64	-22,28	0,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51,67	45,44	-6,23	0,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	201,59	191,77	-9,82	2,32

1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	322,56	283,28	-39,28	3,43
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,15	2,15		0,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.697,05	7.452,85	2755,80	90,18
2.1	Đất quốc phòng	CQP	94,12	110,01	15,89	1,33
2.2	Đất an ninh	CAN	17,28	20,68	3,40	0,25
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	555,74	568,61	12,87	6,88
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	121,79	136,64	14,85	1,65
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	74,70	307,32	232,62	3,72
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	117,97	117,46	-0,51	1,42
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (phường)	DHT	1.758,71	2.585,47	826,76	31,29
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	62,92	133,23	70,31	1,61
-	Đất cơ sở y tế	DYT	31,57	70,21	38,64	0,85
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	158,67	283,17	124,50	3,43
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	22,63	61,70	39,07	0,75
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,05	105,05	105,00	1,27
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,83	0,83		0,01
-	Đất giao thông	DGT	1.169,43	1.586,02	416,59	19,19
-	Đất thủy lợi	DTL	290,08	296,56	6,48	3,59
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,18	16,38	13,20	0,20
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	11,78	11,88	0,10	0,14
-	Đất chợ	DCH	7,57	20,44	12,87	0,25
2.10	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,90	1,80	0,90	0,02
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,17	9,23	1,06	0,11
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.328,47	2.772,34	1443,87	33,55
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	46,03	74,47	28,44	0,90
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,78	7,23	0,45	0,09
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28,88	32,29	3,41	0,39
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	87,05	118,91	31,86	1,44
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,44	35,19	14,75	0,43
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	88,03	174,17	86,14	2,11
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,32	30,70	14,38	0,37
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	197,04	192,75	-4,29	2,33
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	116,65	145,60	28,95	1,76
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	11,98	11,98		0,14
3	Đất chưa sử dụng	CSD	38,57		-38,57	

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.2.3.1. Đất nông nghiệp

1). Đất trồng lúa

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất trồng lúa của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 226,92 ha chiếm 2,75 % diện tích tự nhiên, thực giảm 2639,62 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 226,92 ha;

* Chuyển giảm: 2639,62 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất quốc phòng: 12 ha
- Đất an ninh: 3,4 ha
- Đất khu công nghiệp: 12,87 ha
- Đất cụm công nghiệp: 14,85 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 222,98 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 63,66 ha
- Đất cơ sở y tế: 38,76 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 117,74 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 38,49 ha
- Đất cơ sở khoa học và công nghệ: 101,43 ha
- Đất giao thông: 412,12 ha
- Đất thủy lợi: 14,88 ha
- Đất công trình năng lượng: 13,11 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,1 ha
- Đất chợ: 12,35 ha
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,9 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 1,06 ha
- Đất ở tại đô thị: 1348,46 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 27,12 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,02 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 2,9 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 35,42 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 9,92 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 87,24 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 14,19 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 33,65 ha

2). *Đất trồng cây hàng năm khác*

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 61,64 ha chiếm 0,75 % diện tích tự nhiên, thực giảm 22,28 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 61,64 ha;
- * Chuyển giảm: 22,28 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất quốc phòng: 0,3 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,22 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 2,3 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 4,39 ha
 - Đất giao thông: 12,76 ha

- Đất ở tại đô thị: 1,99 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,02 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,3 ha

3). Đất trồng cây lâu năm

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 45,44 ha chiếm 0,55 % diện tích tự nhiên, thực giảm 6,23 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 45,44 ha;
- * Chuyển giảm: 6,23 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất giao thông: 4,29 ha
 - Đất ở tại đô thị: 1,94 ha

4). Đất rừng phòng hộ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất rừng phòng hộ của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 191,77 ha chiếm 2,32 % diện tích tự nhiên, thực giảm 9,82 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 191,77 ha;
- * Chuyển giảm: 9,82 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất quốc phòng: 5,06 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 4,76 ha

5). Đất nuôi trồng thủy sản

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 283,28 ha chiếm 3,43 % diện tích tự nhiên, thực giảm 39,28 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 283,28 ha;
- * Chuyển giảm: 39,28 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cơ sở văn hóa: 1,96 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,11 ha
 - Đất giao thông: 3,91 ha
 - Đất thủy lợi: 7,1 ha
 - Đất chợ: 0,34 ha
 - Đất ở tại đô thị: 23,67 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,03 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,15 ha
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,01 ha

6). Đất nông nghiệp khác

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 2,15 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, không

thay đổi so với hiện trạng.

2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

1). Đất quốc phòng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất quốc phòng của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 110,01 ha chiếm 1,33 % diện tích tự nhiên, thực tăng 15,89 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 91,25 ha;
- * Chu chuyển tăng: 18,76 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 12 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,3 ha
 - Đất rừng phòng hộ: 5,06 ha
 - Đất giao thông: 0,85 ha
 - Đất thủy lợi: 0,55 ha
- * Chu chuyển giảm: 2,87 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại đô thị: 2,87 ha

2). Đất an ninh

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất an ninh của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 20,68 ha chiếm 0,25 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,4 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 17,28 ha;
- * Chu chuyển tăng: 3,4 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 3,4 ha

3). Đất khu công nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất khu công nghiệp của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 568,61 ha chiếm 6,88 % diện tích tự nhiên, thực tăng 12,87 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 555,74 ha;
- * Chu chuyển tăng: 12,87 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 12,87 ha

4). Đất cụm công nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cụm công nghiệp của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 136,64 ha chiếm 1,65 % diện tích tự nhiên, thực tăng 14,85 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 121,79 ha;
- * Chu chuyển tăng: 14,85 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 14,85 ha

5). Đất thương mại, dịch vụ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất thương mại, dịch vụ của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 307,32 ha chiếm 3,72 % diện tích tự nhiên, thực tăng 232,62 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 73,27 ha;
- * Chu chuyển tăng: 234,05 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 222,98 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,22 ha
 - Đất rừng phòng hộ: 4,76 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,05 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,37 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha
 - Đất giao thông: 1,06 ha
 - Đất thủy lợi: 0,85 ha
 - Đất ở tại đô thị: 1,1 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,85 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,8 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,51 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,43 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại đô thị: 0,43 ha
 - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 1 ha

6). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 117,46 ha chiếm 1,42 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,51 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 117,43 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,03 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất ở tại đô thị: 0,03 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,54 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,05 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,47 ha
 - Đất giao thông: 0,02 ha

7). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (phường) của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 2585,47 ha chiếm 31,29 % diện tích tự nhiên, thực tăng 826,76 ha so với năm 2020. Trong đó, chi tiết các loại đất như sau :

a) Đất cơ sở văn hóa

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở văn hóa của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 133,23 ha chiếm 1,61 % diện tích tự nhiên, thực tăng 70,31 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 61,8 ha;
- * Chu chuyển tăng: 71,43 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 63,66 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 2,3 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,96 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,01 ha
 - Đất giao thông: 0,3 ha
 - Đất thủy lợi: 0,2 ha
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 3 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,12 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,37 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,62 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,13 ha

b) Đất cơ sở y tế

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 70,21 ha chiếm 0,85 % diện tích tự nhiên, thực tăng 38,64 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 31,45 ha;
- * Chu chuyển tăng: 38,76 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 38,76 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,12 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất ở tại đô thị: 0,12 ha

c) Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 283,17 ha chiếm 3,43 % diện tích tự nhiên, thực tăng 124,5 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 157,66 ha;
- * Chu chuyển tăng: 125,51 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 117,74 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 4,39 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,11 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,47 ha
 - Đất giao thông: 1,28 ha

- Đất thủy lợi: 0,52 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,01 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,5 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,01 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,5 ha

d) Đất cơ sở thể dục thể thao

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 61,7 ha chiếm 0,75 % diện tích tự nhiên, thực tăng 39,07 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 22,63 ha;
- * Chu chuyển tăng: 39,07 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 38,49 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,58 ha

e) Đất cơ sở khoa học và công nghệ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở khoa học và công nghệ của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 105,05 ha chiếm 1,27 % diện tích tự nhiên, thực tăng 105 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 0,05 ha;
- * Chu chuyển tăng: 105 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 101,43 ha
 - Đất chưa sử dụng: 3,57 ha

f) Đất cơ sở dịch vụ xã hội

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất cơ sở dịch vụ xã hội của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 0,83 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng.

g) Đất giao thông

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất giao thông của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 1586,02 ha chiếm 19,19 % diện tích tự nhiên, thực tăng 416,59 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1139,13 ha;
- * Chu chuyển tăng: 446,89 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 412,12 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 12,76 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 4,29 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 3,91 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,02 ha
 - Đất thủy lợi: 2,17 ha

- Đất ở tại đô thị: 5,13 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 3,5 ha
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,21 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 2,78 ha
- * Chu chuyển giảm: 30,3 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất quốc phòng: 0,85 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 1,06 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,3 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,28 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,03 ha
 - Đất chợ: 0,13 ha
 - Đất ở tại đô thị: 23,85 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,08 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,14 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,62 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,04 ha
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,92 ha

h) Đất thủy lợi

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất thủy lợi của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 296,56 ha chiếm 3,59 % diện tích tự nhiên, thực tăng 6,48 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 274,58 ha;
- * Chu chuyển tăng: 21,98 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 14,88 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 7,1 ha
- * Chu chuyển giảm: 15,5 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất quốc phòng: 0,55 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,85 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,2 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,52 ha
 - Đất giao thông: 2,17 ha
 - Đất chợ: 0,05 ha
 - Đất ở tại đô thị: 10,83 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,06 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,06 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,2 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,01 ha

i) Đất công trình năng lượng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất công trình năng lượng của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 16,38 ha chiếm 0,2 % diện tích tự nhiên, thực tăng 13,2 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 3,18 ha;
- * Chu chuyển tăng: 13,2 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 13,11 ha
 - Đất giao thông: 0,03 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,06 ha

j) Đất công trình bưu chính, viễn thông

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 11,88 ha chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,1 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 11,78 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,1 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,1 ha

k) Đất chợ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất chợ của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 20,44 ha chiếm 0,25 % diện tích tự nhiên, thực tăng 12,87 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 7,57 ha;
- * Chu chuyển tăng: 12,87 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 12,35 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,34 ha
 - Đất giao thông: 0,13 ha
 - Đất thủy lợi: 0,05 ha

8). Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 1,8 ha chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,9 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 0,9 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,9 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,9 ha

9). Đất bãi thải, xử lý chất thải

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 9,23 ha chiếm 0,11 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,06 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 8,17 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1,06 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 1,06 ha

10). Đất phát triển đô thị, đất khu đô thị mới

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, nhóm đất khu đô thị, phát triển đô thị của thành phố sẽ tăng thêm khoảng 1.627,67 ha để quy hoạch mới các khu đô thị mới như: khu đô thị Tây Bắc, Him Lam, Đông An, Phong Khê...vv (chi tiết được thể hiện trong phần phụ biểu)

11). Đất ở tại đô thị

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất ở tại đô thị của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 2772,34 ha chiếm 33,55 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1443,87 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1321,37 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1450,97 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 1348,46 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 1,99 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 1,94 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 23,67 ha
 - Đất quốc phòng: 2,87 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,43 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,62 ha
 - Đất cơ sở y tế: 0,12 ha
 - Đất giao thông: 23,85 ha
 - Đất thủy lợi: 10,83 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 1,04 ha
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,99 ha
 - Đất chưa sử dụng: 33,16 ha
- * Chu chuyển giảm: 7,1 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 1,1 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,03 ha
 - Đất giao thông: 5,13 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,06 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,43 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,29 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,06 ha

12). Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 74,47 ha chiếm 0,9 % diện tích tự nhiên, thực tăng 28,44 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 45,18 ha;
 - * Chu chuyển tăng: 29,29 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 27,12 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,03 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha
 - Đất giao thông: 0,08 ha
 - Đất thủy lợi: 0,06 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,43 ha
 - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,57 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,5 ha
 - * Chu chuyển giảm: 0,85 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,85 ha
- 13). *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 7,23 ha chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,45 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 6,21 ha;
 - * Chu chuyển tăng: 1,02 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,02 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 1 ha
 - * Chu chuyển giảm: 0,57 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,57 ha
- 14). *Đất cơ sở tôn giáo*

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở tôn giáo của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 32,29 ha chiếm 0,39 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,41 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 28,88 ha;
- * Chu chuyển tăng: 3,41 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 2,9 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,02 ha
 - Đất giao thông: 0,14 ha
 - Đất thủy lợi: 0,06 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,29 ha

15). *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 118,91 ha chiếm 1,44 % diện tích tự nhiên, thực tăng 31,86 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 82,37 ha;
- * Chu chuyển tăng: 36,54 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 35,42 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,3 ha
 - Đất giao thông: 0,62 ha
 - Đất thủy lợi: 0,2 ha
- * Chu chuyển giảm: 4,68 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất giao thông: 3,5 ha
 - Đất ở tại đô thị: 1,04 ha
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,14 ha

16). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 35,19 ha chiếm 0,43 % diện tích tự nhiên, thực tăng 14,75 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 20,44 ha;
- * Chu chuyển tăng: 14,75 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 9,92 ha
 - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 4,08 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,75 ha

17). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 174,17 ha chiếm 2,11 % diện tích tự nhiên, thực tăng 86,14 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 86,73 ha;
- * Chu chuyển tăng: 87,44 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 87,24 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,15 ha
 - Đất giao thông: 0,04 ha
 - Đất thủy lợi: 0,01 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,3 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,8 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,5 ha

18). Đất cơ sở tín ngưỡng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 30,7 ha chiếm 0,37 % diện tích tự nhiên, thực tăng 14,38 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 16,32 ha;
- * Chu chuyển tăng: 14,38 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 14,19 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,13 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,06 ha

19). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 192,75 ha chiếm 2,33 % diện tích tự nhiên, thực giảm 4,29 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 192,75 ha;
- * Chu chuyển giảm: 4,29 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất giao thông: 0,21 ha
 - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 4,08 ha

20). Đất có mặt nước chuyên dùng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 145,6 ha chiếm 1,76 % diện tích tự nhiên, thực tăng 28,95 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 108,88 ha;
- * Chu chuyển tăng: 36,72 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 33,65 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,01 ha
 - Đất giao thông: 1,92 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,14 ha
- * Chu chuyển giảm: 7,77 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cơ sở văn hóa: 3 ha
 - Đất giao thông: 2,78 ha
 - Đất ở tại đô thị: 1,99 ha

21). Đất phi nông nghiệp khác

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp khác của thành phố Bắc Ninh dự kiến là 11,98 ha chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng.

2.2.3.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng của thành phố Bắc Ninh dự kiến sẽ đưa toàn bộ diện tích vào khai thác và sử dụng. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Chu chuyển giảm: 38,57 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,51 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,58 ha
- Đất cơ sở khoa học và công nghệ: 3,57 ha
- Đất ở tại đô thị: 33,16 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 0,75 ha

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước

Trên cơ sở đặc điểm, lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên đất đai; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Bắc Ninh đến năm 2030. Xác định các khu vực chuyên trồng lúa nước của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích khoảng 226,92 ha. Diện tích đất chuyên trồng lúa tập trung tại các phường: Vân Dương, Nam Sơn, Kim Chân...

2.3.2. Khu vực rừng phòng hộ

Khu vực rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Bắc Ninh với tổng diện tích khoảng 191,77 ha, chiếm 2,32 % diện tích đất tự nhiên toàn thành phố. Phân bố chủ yếu ở phường Vân Dương, Nam Sơn.

2.3.3. Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp

Khu vực phát triển công nghiệp cụ thể khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Ninh với tổng diện tích khoảng 705,25 ha, chiếm 8,53 % đất tự nhiên toàn thành phố; phân bố chủ yếu trên địa bàn các phường Phong Khê, Vân Dương, Nam Sơn...

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án quy hoạch sử dụng đất của toàn thành phố Bắc Ninh đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ điều chỉnh, theo đó cũng tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương từ việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án quy hoạch đã xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất để sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn thành phố.

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Về phương diện kinh tế, thông qua phương án quy hoạch sử dụng đất, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương án quy hoạch đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị.

Theo đó, nếu như phương án điều chỉnh quy hoạch của thành phố được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra sẽ tạo nhiều nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, đặc biệt là giao đất, đấu giá đất ở, giao đất, đấu giá đất ở đô thị, giao đất cho thuê đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ. Đồng thời, song hành với việc thu từ công tác giao đất, thành phố cũng cần tính đến phương án, chi phí đền bù cho việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, đất ở... để tạo lên sự phát triển ổn định và bền vững.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia

Nhằm đảm bảo an ninh lương thực của cả tỉnh nói chung và của toàn thành phố Bắc Ninh nói riêng, phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố đã bố trí diện tích đất trồng lúa là 226,92 ha. Bên cạnh đó, phương án điều chỉnh cũng đã đề xuất các giải pháp để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm lương phù hợp với địa phương. Với việc quỹ đất trồng lúa của thành phố đến năm 2030 còn khá lớn, kết hợp với những giải pháp tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sẽ là đảm bảo đầy đủ tính an toàn lương thực cho thành phố trong những năm tiếp theo.

Ngoài ra, dự kiến đến năm 2030 toàn thành phố Bắc Ninh có 61,64 ha đất trồng cây hàng năm với các mục đích trồng rau màu các loại cũng sẽ góp phần quan trọng cho việc đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong vùng.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Việc giải quyết quỹ đất ở cho dân cư được xem xét kỹ trong phương án quy hoạch sử dụng đất cấp thành phố. Tuy nhiên quy hoạch sử dụng đất thành phố đã định hướng giải quyết quỹ đất ở theo nhu cầu gia tăng dân số cho khu vực đô thị để đảm bảo phát triển ổn định đời sống dân cư.

Mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. Việc chuyển đổi 2.717,23 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trong đó có 2.639,62 ha đất trồng lúa, 22,28 ha đất trồng cây hàng năm khác, 6,23 ha đất cây lâu năm, 9,82 ha đất rừng phòng hộ, đất nuôi trồng thủy sản 39,28 ha sẽ làm ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận dân cư có đất bị thu hồi. Để khắc phục vấn đề này thành phố đã có những giải pháp cụ thể

như: Hỗ trợ ổn định đời sống, vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho các lao động...

Trong giai đoạn quy hoạch 2021 - 2030, việc hình thành các khu công nghiệp, đô thị, thương mại, dịch vụ...vv một mặt giúp cho tăng trưởng nền kinh tế của thành phố, mặt khác sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo thêm công ăn việc làm, chuyển đổi ngành nghề nghiệp, tăng thêm thu nhập và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân địa phương.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Quá trình xây dựng và phát triển trên địa bàn thành phố Bắc Ninh cần một lượng lớn quỹ đất để đáp ứng nhu cầu phát triển. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tính toán cân đối nhu cầu đất ở của dân cư đô thị của thành phố Bắc Ninh trong quá trình đô thị hóa, bố trí quỹ đất ở tại đô thị của thành phố khoảng 1.450,97 ha, do việc bố trí các quỹ đất ở mới, các khu đô thị. Đất phát triển hạ tầng của thành phố trong kỳ quy hoạch sẽ tăng thêm khoảng 870,12 ha để xây dựng thêm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế, tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã bố trí thêm 446,89 ha đất giao thông; mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường giao thông, các công trình thủy lợi, công trình năng lượng và công trình bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, phương án cũng bố trí thêm khoảng 71,43 ha đất cơ sở văn hóa ; bố trí thêm 125,51 ha đất cơ sở giáo dục - đào tạo; bố trí thêm khoảng 39,07 ha đất cơ sở thể dục - thể thao; đất chợ 12,87 ha.

Diện tích đất tăng thêm được bố trí cho các mục đích phát triển hạ tầng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế thành phố Bắc Ninh phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đưa các chỉ tiêu xã hội hóa của thành phố đạt mức trung bình của tỉnh, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Trong phương án quy hoạch cũng đã thể hiện rõ những mục tiêu, nhiệm vụ và quan điểm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng. Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tổn thất hoặc bị hủy hoại.

Phương án quy hoạch cũng đã tính toán đầy đủ quỹ đất nhằm đáp ứng được việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất cho thấy, thành phố đã có định hướng khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cụ thể như sau:

Nhằm tận dụng tốt nguồn tài nguyên của địa phương, toàn thành phố Bắc Ninh đã chủ động thực hiện chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng phù hợp. Theo đó, thực hiện chuyển đổi vị trí đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm có năng suất thấp sang mô hình nông **nghiệp công nghệ cao: rau sạch, hoa, cây cảnh, cây ăn quả**, lúa chất lượng cao, khu chăn nuôi. Đây là những mô hình sẽ đem lại giá trị kinh tế lớn, đồng thời đảm bảo nguồn an ninh lương thực lâu dài cho thành phố.

Trong phương án quy hoạch sử dụng đất thành phố đã bố trí thêm 12,87 ha đất khu công nghiệp, 14,85 ha đất cụm công nghiệp, 234,05 ha thương mại dịch vụ nhằm đáp ứng cho phát triển ngành công nghiệp như: công nghiệp chế biến nông, sản - thực phẩm với phương châm đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm nâng cao sức khỏe của nhân dân, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển bền vững và hiệu quả. Việc phát triển các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ); phát triển đô thị;... theo hướng phát triển bền vững, lấy hiệu quả kinh tế làm mục tiêu, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đối với đất chưa sử dụng đến năm 2030, thành phố sẽ dự kiến đưa toàn bộ diện tích 38,57 ha vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp nhằm khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất này cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Đối với quỹ đất rừng sản xuất, theo phương án điều chỉnh của thành phố đến năm 2030, sẽ giữ nguyên khoảng 191,77 ha rừng phòng hộ. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển mở rộng diện tích đất rừng và tăng tỷ lệ che phủ, đồng thời sẽ đem lại nhiều giá trị về kinh tế từ việc khai thác sau này cũng như tạo được sự điều hòa môi trường không khí trong lành, bảo vệ môi trường sinh thái cho địa phương.

PHẦN V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 theo đúng tiến độ đề ra, đảm bảo tính khả thi và đạt hiệu quả cao, thành phố Bắc Ninh cần thực hiện đồng bộ nhóm các giải pháp sau:

4.1. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Cần hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, làng nghề trong quá trình triển khai thực hiện dự án để đảm bảo phát triển bền vững cả về 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Các dự án quy hoạch trước khi triển khai thực hiện cần phải xây dựng đề án bảo vệ môi trường chi tiết; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Tăng cường, ưu tiên triển khai và thực hiện quy hoạch các dự án công viên, cây xanh, quảng trường, hồ điều hoà tạo môi trường xanh, sạch đẹp góp phần cải tạo môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thành phố trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

4.2. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.2.1. Giải pháp về chính sách

- Cần thực hiện đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, nhất là việc xúc tiến tại chỗ qua các hoạt động: hỗ trợ DN sau đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN; cải cách thủ tục hành chính tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng... chủ động thu hút đầu tư có mục tiêu, chuyển từ chính sách mở cửa sang gỡ đúng cửa để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, trên địa bàn đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và du lịch....

- Cần có cơ chế tạo nguồn tài chính khả thi và bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn. Đối với đất giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao thực hiện xã hội hóa tất cả các công trình không bắt buộc phải do nhà nước quản lý.

- Để đón bắt cơ hội mới cho phát triển trong thời gian tới, Thành phố Bắc Ninh cần có chính sách bứt phá với thông điệp **4 sẵn sàng**:

+ *Sẵn sàng về mặt bằng đầu tư*: Các Khu,CCN cần được đầu tư đồng bộ về hạ tầng giao thông, khả năng cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc...

+ *Sẵn sàng về nhân lực*: Bắc Ninh có nguồn lao động tương đối trẻ, đã qua đào tạo có khả năng tiếp cận nhanh chóng các công nghệ hiện đại cũng như trình độ quản lý tiên tiến.

+ *Sẵn sàng cải cách*: Cần Quyết liệt đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính theo hướng *hỗ trợ và phục vụ*, xây dựng chính quyền kiến tạo và phục vụ.

+ *Sẵn sàng hỗ trợ*: Đối với các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, thành phố Bắc Ninh sẵn sàng lắng nghe tâm tư của DN. Hiện tỉnh đang quyết liệt triển khai chính sách hỗ trợ DN chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, qua đó củng cố niềm tin trong cộng đồng DN.

4.2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các cá nhân, doanh nghiệp tư nhân.

4.2.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Thành phố cần xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch sử dụng đất.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

4.2.4. Giải pháp thực hiện

- Cần thực hiện công bố công khai quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố tới các phường, các ban ngành và trên các phương tiện thông tin đại chúng để đồng đảo cơ quan, ban ngành, tổ chức, cá nhân được biết để thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy hoạch sử dụng đất nhằm đưa ra các giải pháp điều chỉnh kịp thời kế hoạch sử dụng đất. Kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch theo Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Kế hoạch sử dụng đất từng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch xây dựng của các đô thị. Phải có kế hoạch sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện dự án để tạo động lực phát triển khu vực theo dự án lớn. Các

công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phải đầu tư trước một bước, kế hoạch phát triển giao thông phải đầu tư tập trung và gắn với kế hoạch đô thị hóa.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi và có cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo mục tiêu phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội bằng cách tăng cường việc phát triển quỹ đất, cung ứng cho nhà đầu tư theo kế hoạch sử dụng đất đã đề ra với nhiều phương thức (*đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án,...*).

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, để sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao.

4.2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Thành phố Bắc Ninh cần từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ quản lý công khai công tác quy hoạch sử dụng đất.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Thành phố có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên cực kỳ thuận lợi khi nằm ở vùng trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Ninh và thuộc vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ và vùng thủ đô. Trong vùng thủ đô Hà Nội, thành phố Bắc Ninh được xác định là một trọng tâm kinh tế, kết nối Thủ đô Hà Nội với các cảng biển Bắc Bộ; có tiềm năng phát triển: Công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại và kinh tế tri thức. Là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của Vùng Thủ đô Hà Nội, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước, có ý nghĩa quốc tế; gắn kết với các hành lang kinh tế: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TPHCM - Mộc Bài và vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ.

2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Bắc Ninh liên tục đạt mức cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân củ giai đoạn đạt 12,8%/năm vượt 1,8% so với Nghị quyết. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 ước đạt 36.834,8 tỷ đồng, đạt 97,4% quy hoạch, tăng 3,6% so với năm 2019 và chiếm khoảng 30% GRDP toàn tỉnh. Về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng thương mại - dịch vụ chiếm 52,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 46,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,8% (*tương ứng năm 2019 là 52,4%, 46,7%, 0,9%*).

3. Phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 của thành phố được xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, quy hoạch đô thị đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050, quy hoạch vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050..... trên cơ sở cân đối, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của tất cả các cấp, các ngành và địa phương trên địa bàn thành phố nên đảm bảo tính thống nhất, thực tiễn, đầy đủ, hợp lý và khoa học.

4. Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 của thành phố Bắc Ninh đã tổng hợp và cập nhật được tất cả các nghiên cứu, dự án và định hướng phát triển của các cấp, các ngành ở cả Trung ương, tỉnh có trên địa bàn, trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai nên bảo đảm được tính thực tiễn, tính khả thi. Đồng thời phân bổ hợp lý quỹ đất hợp lý cho nhu cầu của tất cả các ngành, lĩnh vực góp phần tạo nên sự phát triển ổn định và bền vững cho địa phương trên các mặt sau:

- Đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu đô thị hoá. Các khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn

minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu đô thị hoá của thành phố Bắc Ninh.

- Đất dành cho công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành một số khu, cụm có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao. Các trung tâm dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng có quy mô, phục vụ đặc lực cho nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân địa phương.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thuỷ lợi, văn hoá, y tế, giáo dục, quốc phòng an ninh,... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm và hiệu quả.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Bắc Ninh sớm thẩm định, phê duyệt đề phương án lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 của thành phố để làm căn cứ cho tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh dành cho thành phố những nguồn vốn ưu tiên để thực hiện các dự án trong phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, thu hút đầu tư từ bên ngoài cho thực hiện tốt phương án quy hoạch thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU